

Số: 01/BCTN- LCM

Lào Cai, ngày 10 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2024

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ủy ban chứng khoán nhà nước

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300208618
- Vốn điều lệ: 246.330.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 246.330.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Số điện thoại: 0203.830.036
- Số fax: 0203.830.036
- Website: www.khoangsanlaocai.vn
- Mã cổ phiếu: LCM

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai tiền thân là Công ty TNHH Gia Long được thành lập ngày 18 tháng 09 năm 2002 với số đăng ký kinh doanh là 12 02 000 192, Công ty TNHH Gia Long sau 06 lần thay đổi đăng ký doanh (lần cuối vào ngày 09 tháng 12 năm 2010), đã đổi tên thành Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai vào ngày 04 tháng 01 năm 2011. Trong quá trình hoạt động và phát triển của mình, Công ty luôn hoàn thành tốt các nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước.

Từ một doanh nghiệp Cổ phần tư nhân với vốn điều lệ ban đầu là 2.000.000.000 đồng, Công ty đã tiến hành tăng vốn lần thứ 1 lên 80.000.000.000 đồng vào ngày 15/02/2010 bằng hình thức góp thêm vốn của Cổ đông Công ty. Công ty hoàn tất việc tăng vốn lần thứ 2 vào ngày 30/12/2010 với vốn điều lệ là 85.680.000.000 đồng. Ngày 16/09/2011 Công ty Cổ Phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai đã chính thức niêm yết và giao dịch ngày đầu tiên trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là: LCM.

Ngày 07/11/2012 Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 214.200.000.000 đồng.

Ngày 01/07/2013 Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2012 để tăng vốn điều lệ lên 246.330.000.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

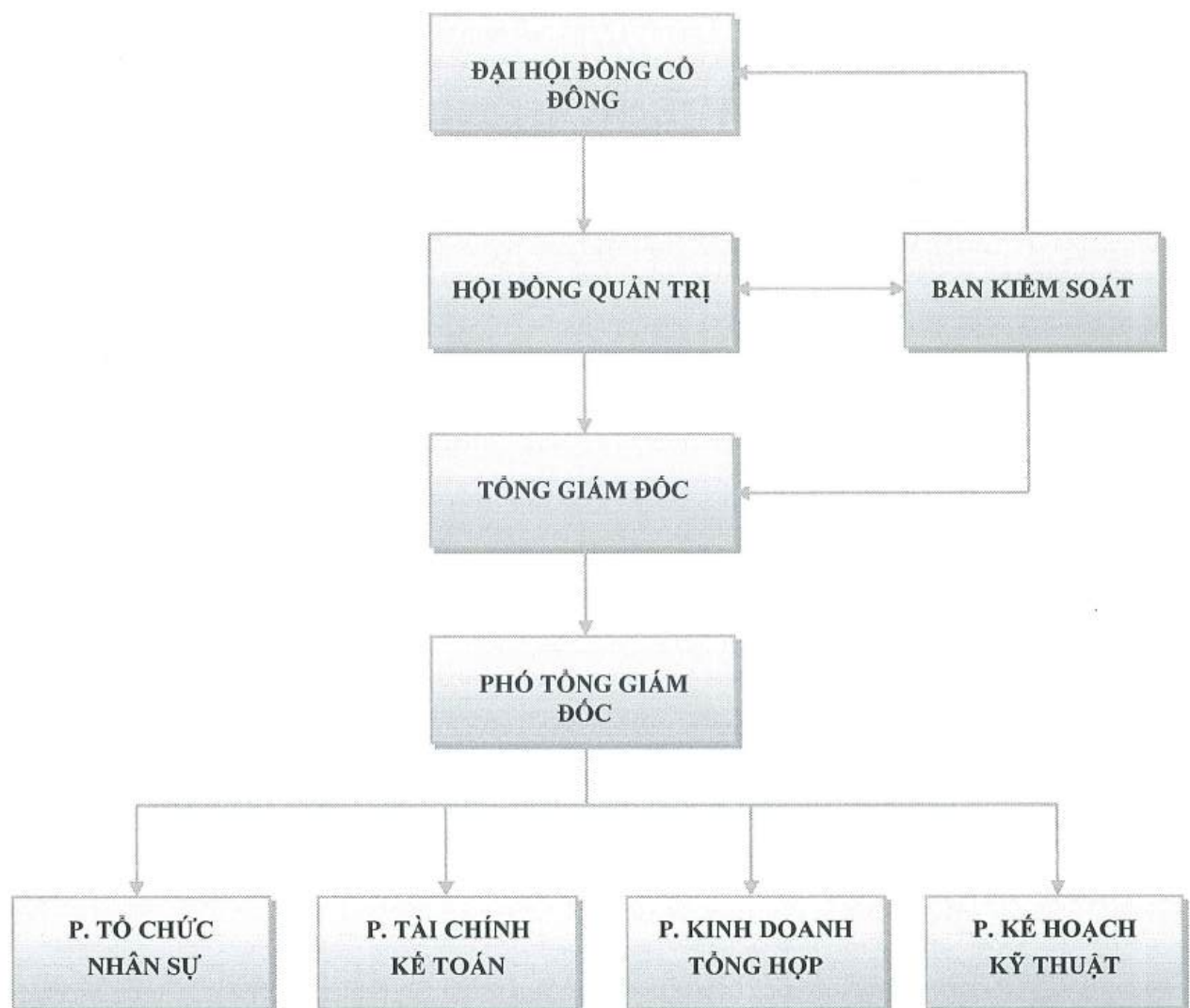
Khai thác quặng kim loại quý hiếm: Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu;

- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Tư vấn hỗ trợ các hoạt động khai thác khoáng sản;
- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán, xuất nhập khẩu dầu thô, than và các sản phẩm của chúng;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2.2. **Địa bàn kinh doanh:** Tập trung chủ yếu ở các tỉnh thành phía Bắc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

✚ Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số thành viên của HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, lý luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật và những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

✦ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Quyền và nghĩa vụ như sau:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

✦ Kế toán trưởng

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Giám đốc Công ty.

✦ Các phòng ban nghiệp vụ

Phòng Tổ chức Nhân sự: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban giám đốc Công ty.

Phòng Tài chính - Kế toán: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.

- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban giám đốc.

Phòng Kinh doanh Tổng hợp: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt.

Phòng Kế hoạch kỹ thuật: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa máy móc, thiết bị tại các nhà máy, các xí nghiệp phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh và khai thác mỏ tại các xí nghiệp của công ty. Cố vấn cho Ban giám đốc kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị mới.
- Quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Công ty.
- Lập kế hoạch và cung cấp vật tư theo tiến độ thực tế tại các nhà máy, công trường của Công ty.

3.3. Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu tính đến ngày 30/06/2021
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	Xóm Tân Lập, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm)	171.000.000.000	95%

3.4. Các công ty liên kết: không có

4. Định hướng phát triển.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Kinh doanh hiệu quả, phát triển ổn định và bền vững.
- Đầu tư công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, tập trung vào khai thác mỏ.
- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, trong đó khai thác kinh doanh khoáng sản là ngành chủ đạo.
- Đào tạo đội ngũ CB-CNV có trình độ, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.
- Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đầu tư sâu vào lĩnh vực khai thác và kinh doanh khoáng sản.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Tích cực tham gia vào bảo vệ môi trường và công tác xã hội nhằm xây dựng nông thôn mới và giúp đỡ địa phương theo khả năng thực tế của Công ty.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế

Chính sách tài chính và tiền tệ thắt chặt: Nhiều quốc gia duy trì chính sách tài chính và tiền tệ thắt chặt, dẫn đến chi phí vay tăng cao và nguy cơ suy thoái kinh tế.

Căng thẳng địa chính trị: Xung đột tại Trung Đông và căng thẳng giữa các cường quốc như Mỹ và Trung Quốc gây gián đoạn chuỗi cung ứng và thị trường năng lượng toàn cầu.

Phân mảnh thị trường và công nghệ: Xu hướng phân mảnh thị trường và công nghệ ngày càng rõ rệt, thể hiện qua sự mở rộng của khối BRICS và các biện pháp trừng phạt, làm suy yếu hợp tác quốc tế và hiệu quả của chuỗi cung ứng toàn cầu.

Bất ổn thị trường tài chính: Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu, cùng với nợ công tăng cao, tạo ra những thách thức đối với tăng trưởng kinh tế.

***Giải pháp:** Công ty thường xuyên theo dõi diễn biến kinh tế để có những đề án, chiến lược và kế hoạch cụ thể, linh hoạt, kịp thời ứng phó với rủi ro.

5.2. Rủi ro về luật pháp

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty đại chúng, giao dịch tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên hoạt động của Công ty tuân theo các văn bản pháp luật của Công ty Cổ phần, hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Quy chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các văn bản hướng dẫn thi hành... Mặc dù, trong nhiều năm qua, hệ thống luật pháp Việt Nam liên tục được hoàn thiện, song tính ổn định chưa cao, vẫn còn nhiều các quy định pháp luật đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Bên cạnh đó Công ty hoạt động trong ngành khai thác khoáng sản vốn là ngành đặc thù và chịu những quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của ngành khai thác khoáng sản.

***Giải pháp:** Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước... từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

5.3. Rủi ro cấp phép khai thác mỏ

Thủ tục phức tạp, kéo dài gây khó khăn cho doanh nghiệp. Rủi ro tài chính do yêu cầu vốn cao và đòn bẩy tài chính lớn. Tranh chấp pháp lý trong chuyển nhượng quyền khai thác. Vi phạm quy định có thể dẫn đến xử phạt hoặc tạm dừng khai thác. Giám sát lỏng lẻo dẫn đến gian lận và thất thoát tài nguyên

***Giải pháp:** Các hoạt động của Công ty luôn bám sát quy trình đã được xây dựng cụ thể về việc thăm dò, khảo sát địa chất cho từng hoạt động, dự án triển khai, nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro và tiết kiệm tối đa chi phí cho hoạt động này.

5.4. Rủi ro khác

Các yếu tố thời tiết như nắng nóng khắc nghiệt, mưa, bão lũ, sạt lở ảnh hưởng lớn đến sản lượng khai thác mỏ đá và sản xuất tại nhà máy của Công ty.

***Giải pháp:** Để hạn chế những thiệt hại khi có bất khả kháng xảy ra, Công ty đã chủ động tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các dự án, công trình đang triển khai

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2024, sản xuất kinh doanh phục hồi mạnh sau đại dịch, với chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,4%. Tuy nhiên, biến động kinh tế toàn cầu, căng thẳng địa chính trị và chính sách bảo hộ đã ảnh hưởng đến tài chính, tiền tệ, năng lượng và lương thực. Dù thách thức, số doanh nghiệp quay lại hoạt động đạt mức cao nhất từ trước đến nay, cho thấy khả năng thích ứng mạnh mẽ. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Năm 2024
1	Doanh thu thuần hợp nhất	20-50 tỷ	50 tỷ
2	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	2-5 tỷ	5 tỷ

2. Tổ chức và nhân Sự:

❖ Ban tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
2	Ông Ngô Trường An	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng

• Tổng Giám đốc - Ông NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Ngày tháng năm sinh : 30/03/1979
CMND : 111473848 Ngày cấp: 25/07/2012 Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Địa chỉ thường trú : Nhà số 9 ngách 41, ngõ Chùa Nền, Phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện tử Viễn thông
Số CP nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

• Phó Tổng Giám đốc - Ông NGÔ TRƯỜNG AN

Ngày tháng năm sinh : 07/02/1985
CMND : 090783419 Ngày cấp: 06/08/2020 Nơi cấp: CA Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú : Ngõ 169 Phường Quang Trung, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn : Cử nhân

Số CP nắm giữ : 50 cổ phần

• **Kế toán trưởng - Bà NGUYỄN THỊ HOA**

Ngày tháng năm sinh : 30/09/1960

CMND : 063034972 Ngày cấp: 21/11/2007 Nơi cấp: CA Lào Cai

Địa chỉ thường trú : Đường K3 - P.Phố Mới - TP Lào Cai

Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán

Số CP nắm giữ : 28.750 cổ phần, chiếm 0,0000117% vốn điều lệ

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2024, Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai không có sự thay đổi về mặt nhân sự trong Ban điều hành.

❖ **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Phân theo trình độ		
Trên Đại học	3	11,54%
Đại học	5	19,23%
Cao đẳng/trung cấp	8	30,77%
Công nhân/kỹ thuật	10	38,46%
Phân theo giới tính		
Nam	18	69,23%
Nữ	8	30,77%
Tổng	26	100%

- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Chính sách đào tạo: Công ty cử CBCNV đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo từng lĩnh vực chuyên môn nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên có tính chuyên nghiệp cao.
- Chế độ khen thưởng:
 - Thưởng cho CBCNV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
 - Thưởng cho CBCNV trong các dịp lễ, tết.
- Chế độ khác: Tổ chức chính quyền thường xuyên phối hợp với Công đoàn thực hiện các chế độ phúc lợi khác như trợ cấp khó khăn, chế độ cho lao động nữ, tạo điều kiện cho Đoàn thanh niên hoạt động, xét tặng tiền thưởng cho con CBCNV có thành tích cao trong học tập...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai không có các khoản đầu tư lớn.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Trong năm 2024, Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình tập trung xây dựng hoàn thiện dự án nhà máy tuyển khoáng phục vụ khai thác mỏ đa kim tại Xóm Ngọc Lâm, xã Cao Răm, huyện Lương Sơn và bản Đàng Long xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi,

tỉnh Hòa Bình, bên cạnh đó Công ty cũng tìm các đối tác để hợp tác kinh doanh trong việc khai thác mỏ. Hiện tại Công ty cũng đang thương thảo với các đối tác tiềm năng để sớm đưa nhà máy vào hoạt động để khai thác tối ưu tiềm năng khoáng sản của mỏ.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	140.017.593.021	170.318.655.293	21,6%
Doanh thu thuần	51.353.442.478	33.565.216.052	-34,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.262.021.246	1.677.267.209	60,6%
Lợi nhuận khác	-1.017.021.974	0	100,0%
Lợi nhuận trước thuế	3.244.999.272	1.677.267.209	48,3%
Lợi nhuận sau thuế	3.244.999.272	1.677.267.209	48,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,40	1,28	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2,40	1,28	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,13	0,27	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,14	0,37	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	0	0	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,37	0,20	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	0,05	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,03	0,01	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,01	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh			

doanh/Doanh thu thuần	0,08	0,05	
-----------------------	------	------	--

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. (Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 20/04/2024)

a) *Cổ phần*: Tổng số cổ phần đang lưu hành là 24.633.000 là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng./.

b) *Cơ cấu cổ đông*:

Cơ cấu vốn	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1. Cổ đông trong nước	3.111	23.633.645	236.336.450.000	95,94%
a. <i>Pháp nhân</i>	15	90.755	907.550.000	0,37%
b. <i>Cá nhân</i>	3.070	23.542.890	235.428.900.000	95,57%
2. Cổ đông nước ngoài	26	999.355	9.993.550.000	4,06%
a. <i>Pháp nhân</i>	3	35.568	355.680.000	0,14%
b. <i>Cá nhân</i>	23	963.787	9.637.870.000	3,91%
Tổng cộng	3.137	24.633.000	246.330.000.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường: Không

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 547.069 kwh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không.

6.4. Tiêu thụ nước: mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Nguồn nước sạch của Lượng nước sử dụng: 4500 m3/năm.

- Nguồn nước giếng khoan. lượng nước sử dụng 550m3/năm

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 VND

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động bình quân năm: 26
- Thu nhập bình quân người/tháng: 6 triệu đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Thực hiện cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo thu nhập ổn định cho CBCNV, tổ chức thường xuyên các buổi sinh hoạt tập thể, kỷ niệm các ngày lễ, tổ chức sinh nhật định kỳ hàng quý cho CBCNV;
- Khen thưởng, khuyến khích động viên kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD;
- Duy trì tốt việc tổ chức bữa ăn ca tại Công ty cho CBCNV;
- Thường xuyên duy trì công tác toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
 - + Đào tạo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ 48 giờ/năm.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn hỗ trợ quỹ chất độc da cam; Hội người mù, đồng bào bảo lụt ...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2024, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai tập trung đầu tư và hoàn thiện dự án nhà máy tuyển khoáng phục vụ khai thác mỏ đa kim tại Xóm Ngọc Lâm (xã Cao Răm, huyện Lương Sơn) và Bản Đảng Long (xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình). Đồng thời, Công ty tích cực tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực khai thác mỏ. Hiện tại, nhà máy đã hoàn thiện công nghệ mới và đi vào sản xuất, với sự hỗ trợ từ các chuyên gia Úc và Nhật Bản.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	31/12/2024	31/12/2023	Biến động
TÀI SẢN NGẮN HẠN	59.404.271.007	42.525.276.289	16.878.994.718
Tiền và các khoản tương đương tiền	217.284.998	506.637.981	(289.352.983)
Các khoản phải thu ngắn hạn	57.204.545.572	40.122.452.099	17.082.093.473
Hàng tồn kho	322.350.000	107.900.000	214.450.000
Tài sản ngắn hạn khác	1.660.090.437	1.788.286.209	(128.195.772)

TÀI SẢN DÀI HẠN	110.914.384.286	97.492.316.732	13.422.067.554
Tài sản cố định	1.665.175.705	2.243.108.151	(577.932.446)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	47.914.666.450	47.914.666.450	-
Tài sản dở dang dài hạn	6.034.365.131	6.034.365.131	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	170.318.655.293	140.017.593.021	30.301.062.272

b) Tình hình nợ phải trả

NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2024	31/12/2023
NỢ NGẮN HẠN	46.337.763.894	17.713.968.921
1. Phải trả người bán ngắn hạn	40.478.857.560	11.888.214.587
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	356.020.240	355.042.240
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	431.545.116	431.545.116
9. Phải trả ngắn hạn khác	45.034.000	12.860.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.230.000.000	2.230.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.796.306.978	2.796.306.978
NỢ DÀI HẠN	-	-

Tính đến thời điểm 31/12/2024 Công ty không phải vay và nợ dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- ✓ Nâng cao chất lượng công tác đảm bảo kỹ thuật, an toàn và tối ưu hóa chi phí vật tư, nhiên liệu.
- ✓ Tăng cường quản lý thiết bị, vật tư, nhiên liệu và kiểm soát chặt chẽ chi phí.

Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty chú trọng đầu tư sâu vào lĩnh vực khai thác và kinh doanh khoáng sản.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

1. Từ chối đưa ra ý kiến với các khoản đầu tư Công ty liên kết

Chúng tôi không tiếp cận được báo cáo tài chính và báo cáo tài chính được kiểm toán của Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn với Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 24,145 tỷ VND và của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường Xanh Bình Thành với Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 23,769 tỷ VND. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá về giá trị thuần của khoản đầu tư cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

- Vào thời điểm kiểm toán báo cáo bán niên năm 2024 chúng tôi hiện chưa liên hệ được với ban giám đốc cũng như kế toán viên của 2 công ty liên kết trên, vì vậy cung cấp hồ sơ tài chính liên quan đến 2 công ty trên bị chậm trễ, dẫn đến việc kiểm toán viên không thể đánh giá được giá trị dự phòng giảm giá khoản đầu tư trên.

2. Từ chối đưa ra ý kiến với các khoản phải thu:

Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu về cho vay các cá nhân bằng tiền mặt không có tài sản đảm bảo với giá trị gốc và lãi tại ngày 31/12/2024 lần lượt là 55,129 tỷ VND và 855 triệu VND. Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty hay không.

- Vào thời điểm kiểm toán báo cáo bán niên năm 2024 chúng tôi hiện chưa thu hồi được các khoản vay và lãi trên vì vậy kiểm toán viên không thể đánh giá được mức trích lập dự phòng cần thiết, hiện tại chúng tôi đang làm các thủ tục để thu toàn bộ khoản tiền trên.

3. Từ chối đưa ra ý kiến với các khoản phải thu ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2024, trong khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" đang ghi nhận tạm ứng cho một số cán bộ, công nhân viên để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh với số tiền 35.500.000.000 VND. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng nêu trên. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các khoản tạm ứng trên là có khả năng thu hồi và không gây ảnh hưởng đến tổn thất tài sản của Công ty. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi cũng không đánh giá được tính hợp lý, mục đích sử dụng cũng như khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng nêu trên.

- Vào thời điểm kiểm toán báo cáo bán niên 2024 chúng tôi hiện chưa thu hồi các khoản tạm ứng cho một số cán bộ, công nhân viên để phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty với số tiền 35.500.000.000 VND vì vậy kiểm toán viên cũng chưa thể đánh giá được tính hợp lý của số dư các khoản tạm ứng nêu trên.

4. Ý kiến về tình hình hoạt động của đơn vị

Tại ngày 31/12/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 133,144 tỷ VND, Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Đồng thời Dự án khai thác quặng vàng tại huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo giấy phép khai thác khoáng sản số 80/QĐ/UBND ngày 12/11/2009 của Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình (Công ty con) đã hết hiệu lực và chưa được gia hạn. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến" nêu trên, tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về giả định hoạt động liên tục của Công ty được lập phù hợp hay chưa.

- Hiện tại Công ty chúng tôi đang tập trung vào việc gia hạn dự án khai thác mỏ Vàng của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (là công ty con), nhưng công ty chúng tôi vẫn có Doanh thu từ các hoạt động chính khác. Theo đây, Chúng tôi cũng xin cam kết và đảm bảo về khả năng hoạt động liên tục của Công ty ở thời điểm hiện tại cũng như trong thời gian tới.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Do đặc thù của Công ty là khai thác mỏ nên vấn đề an toàn lao động luôn được quan tâm. Công ty đã thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động như: mua bảo hiểm, trang bị các công cụ, dụng cụ đảm bảo an toàn trong quá trình lao động, hướng dẫn người lao động thực hiện các biện pháp an toàn...

Ngoài ra, Công ty luôn tích cực tham gia vào bảo vệ môi trường và công tác xã hội nhằm xây dựng nông thôn mới và giúp đỡ địa phương theo khả năng thực tế của Công ty

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Trong năm 2024, để phục vụ công tác quản trị, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 5 cuộc họp và ban hành 4 nghị quyết. Hội đồng Quản trị thực hiện tốt vai trò giám sát, triển khai nghị quyết, đồng thời đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Tổng Giám đốc.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu của Ban Kiểm soát, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ chức năng và hoàn thành nhiệm vụ.

Bên cạnh việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024, Công ty luôn quan tâm đến đời sống người lao động, đảm bảo quyền lợi về BHXH, BHYT, BHTN... Đồng thời, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cũng tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động đúng quy định pháp luật.

- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.

Năm 2024, dù hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực không ngừng để duy trì ổn định và phát triển. Với quyết tâm cao, Công ty đã thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024, đảm bảo thu nhập cho người lao động, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

- Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2025 tiếp tục là một năm đầy thách thức với những cơ hội và khó khăn đan xen, do tình hình thế giới diễn biến phức tạp và khó lường. Trên nền tảng tiềm lực và nguồn lực sẵn có, Hội đồng Quản trị cam kết nâng cao trách nhiệm chỉ đạo, đồng hành cùng Ban Điều hành để thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Cụ thể:

- Duy trì các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị và sẵn sàng tổ chức họp bất thường khi cần thiết, kịp thời ban hành nghị quyết, quyết định nhằm tháo gỡ khó khăn, đảm bảo doanh nghiệp vận hành linh hoạt, tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và sửa đổi các quy định về quản trị nội bộ, hướng đến mô hình quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành.

Trước mắt, triển khai một số giải pháp trọng tâm:

- (i) Duy trì ổn định và thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh trong bối cảnh mới.
- (ii) Tăng cường quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật, tối ưu hóa nhân sự để nâng cao hiệu quả điều hành.
- (iii) Đẩy mạnh đầu tư vào máy móc, thiết bị hiện đại nhằm cải thiện năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Với những định hướng trên, Hội đồng Quản trị tin tưởng vào sự phát triển bền vững của Công ty trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

V. Quản trị công ty

1. Thành viên HĐQT

a) Thành viên và cơ cấu HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Vũ Đình Vinh	Chủ tịch HĐQT	25/06/2021	
2	Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT	26/05/2016	
3	Ông Ngô Trường An	Thành viên HĐQT	14/06/2014	
4	Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên HĐQT độc lập/không điều hành	24/06/2020	
5	Ông Bùi Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập/không điều hành	24/06/2020	

Năm 2024, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã chỉ đạo Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và triển khai hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ). Cụ thể:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đến Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan, đảm bảo thống nhất trong toàn Công ty.
- HĐQT đạt sự đồng thuận cao về mục tiêu củng cố và phát triển bền vững hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, đồng thời chú trọng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đảm bảo quyền lợi theo chế độ chính sách cho người lao động.
- Ban hành các nghị quyết quan trọng về định hướng chiến lược, chính sách quản lý, điều hành, đầu tư và dịch vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát trong việc lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, đảm bảo tính minh bạch và chính xác.

Với những định hướng trên, HĐQT tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-HĐQT	01/04/2024	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
2	02/2024/NQ-HĐQT	01/04/2024	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
3	03/2024/NQ-HĐQT	27/06/2024	Lựa chọn đơn vị kiểm toán	100%

			cho năm tài chính 2024	
4	04/2024/NQ-HĐQT	15/08/2024	Kết quả hoạt động 6 tháng 2024, Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024	100%
5	05/2024/NQ-HĐQT	18/12/2024	Kế hoạch hoạt động năm 2025	100%

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

- Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã triển khai công việc theo đúng kế hoạch, bám sát Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ), tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và các thông lệ quản trị doanh nghiệp chuẩn mực.
- Các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao, thực hiện rõ ràng vai trò được phân công, đặt lợi ích của Công ty lên hàng đầu và cẩn trọng trong mọi quyết định.
- HĐQT đã chủ động đề xuất nhiều giải pháp kịp thời, hiệu quả, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc vượt qua những thách thức trong quá trình vận hành, đồng thời thực hiện tốt vai trò giám sát, kiểm soát để đảm bảo Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật.
- HĐQT đã lãnh đạo Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động và cùng Ban Tổng Giám đốc thúc đẩy các hoạt động văn hóa doanh nghiệp bền vững. Với phương pháp làm việc hiệu quả, sáng tạo, HĐQT đã đồng hành cùng Công ty trong việc xây dựng và phát triển các giá trị bền vững, hướng tới sự phát triển lâu dài và thịnh vượng.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

2. Ban Kiểm soát:

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:** Gồm 03 thành viên gồm Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nhữ Ngọc Quang	Trưởng BKS	26/06/2019	Cử nhân Kế toán
2	Ông Ngô Gia Huy	Thành viên BKS	20/05/2016	Cử nhân kinh tế
4	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên BKS	12/07/2022	Thạc sỹ kinh tế

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Trưởng Ban đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, đồng thời đề ra phương hướng và kế hoạch hoạt động làm cơ sở triển khai xuyên suốt.
- Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành trong việc rà soát, kiểm tra hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính... nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và bám sát kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Đồng thời, theo dõi việc công bố thông tin của Công ty và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện chế độ chi tiêu nội bộ.
- Đưa ra các đề xuất, kiến nghị cần thiết cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong quá trình hoạt động, bao gồm việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ tên	Thù lao (VND)
	HĐQT	60.000.000
1	Ông Vũ Đình Vinh - Chủ tịch HĐQT.	0
2	Ông Nguyễn Đức Thắng - Thành viên HĐQT	0
3	Ông Ngô Trường An- Thành viên HĐQT	0
4	Ông Bùi Thanh Bình - Thành viên HĐQT độc lập/không điều hành	0
5	Ông Hoàng Quốc Tùng - Thành viên HĐQT độc lập/không điều hành	60.000.000
	Ban Tổng giám đốc	96.000.000
1	Nguyễn Đức Thắng	96.000.000
2	Ngô Trường An	0
	Ban kiểm soát	0
1	Ông Nhữ Ngọc Quang	0
2	Ông Ngô Gia Huy	0
3	Nguyễn Văn Tuấn	0

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt No.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn chú trọng công tác cập nhật các quy định mới ban hành về quản trị công ty, và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty.
- Bên cạnh đó, Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện để các thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên BKS, các cán bộ quản lý tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán: Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Nơi nhận:

- Sở giao dịch CK, UBCK;
- Lưu: VT,

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA

CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Thịnh

Số: 01/BCTN- LCM

Lào Cai, ngày 10 tháng 04 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm báo cáo 2024

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ủy ban chứng khoán nhà nước

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300208618
- Vốn điều lệ: 246.330.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 246.330.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số nhà 28B, đường Phan Đình Giót, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Số điện thoại: 0203.830.036
- Số fax: 0203.830.036
- Website: www.khoangsanlaocai.vn
- Mã cổ phiếu: **LCM**

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai tiền thân là Công ty TNHH Gia Long được thành lập ngày 18 tháng 09 năm 2002 với số đăng ký kinh doanh là 12 02 000 192, Công ty TNHH Gia Long sau 06 lần thay đổi đăng ký doanh (lần cuối vào ngày 09 tháng 12 năm 2010), đã đổi tên thành Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai vào ngày 04 tháng 01 năm 2011. Trong quá trình hoạt động và phát triển của mình, Công ty luôn hoàn thành tốt các nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước.

Từ một doanh nghiệp Cổ phần tư nhân với vốn điều lệ ban đầu là 2.000.000.000 đồng, Công ty đã tiến hành tăng vốn lần thứ 1 lên 80.000.000.000 đồng vào ngày 15/02/2010 bằng hình thức góp thêm vốn của Cổ đông Công ty. Công ty hoàn tất việc tăng vốn lần thứ 2 vào ngày 30/12/2010 với vốn điều lệ là 85.680.000.000 đồng. Ngày 16/09/2011 Công ty Cổ Phần khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai đã chính thức niêm yết và giao dịch ngày đầu tiên trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là: LCM.

Ngày 07/11/2012 Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên 214.200.000.000 đồng.

Ngày 01/07/2013 Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2012 để tăng vốn điều lệ lên 246.330.000.000 đồng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

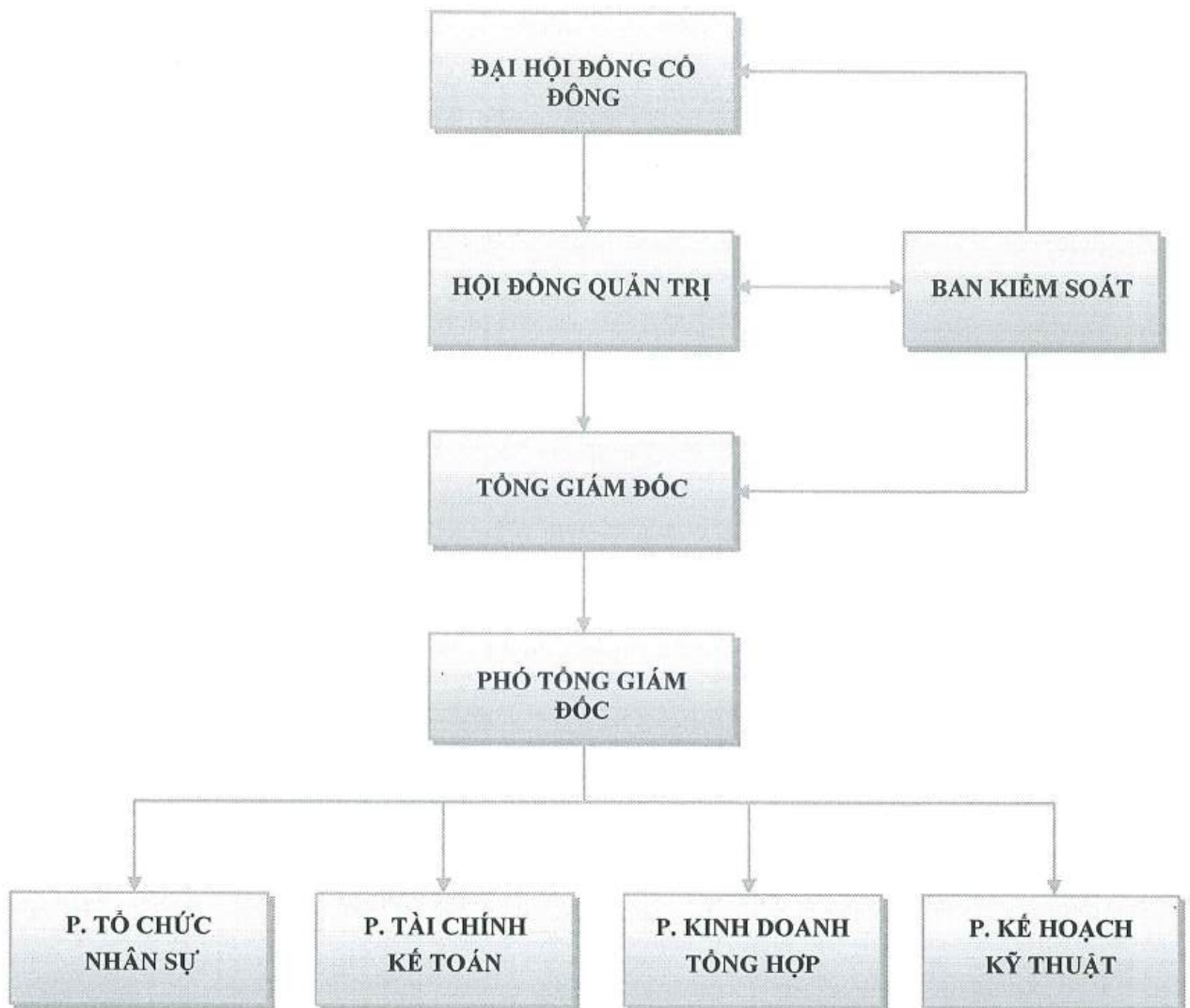
Khai thác quặng kim loại quý hiếm: Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu;

- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Tư vấn hỗ trợ các hoạt động khai thác khoáng sản;
- Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Mua bán, xuất nhập khẩu dầu thô, than và các sản phẩm của chúng;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

2.2. **Địa bàn kinh doanh:** Tập trung chủ yếu ở các tỉnh thành phía Bắc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

✦ Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ sau:

- Thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.
- Thông qua kế hoạch phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát và của Kiểm toán viên.
- Quyết định số thành viên của HĐQT.
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát.
- Các quyền khác được quy định tại điều lệ Công ty.

⚡ Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty.
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua.
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc.
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm trình ĐHĐCĐ.
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

⚡ Ban Giám đốc

Ban Giám đốc do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những chiến lược, kế hoạch đã được Hội đồng Quản trị Công ty và Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, Điều lệ Công ty và tuân thủ Pháp luật.
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty.
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, lý luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng theo quy định của Pháp luật.
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, HĐQT và Pháp luật và những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

✚ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát Công ty do Đại hội Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Quyền và nghĩa vụ như sau:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc.
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết.
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

✚ Kế toán trưởng

Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng Quản trị Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm; chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, hạch toán kinh tế và công tác tài chính của Công ty; thực hiện các công việc theo ủy quyền của Giám đốc Công ty.

✚ Các phòng ban nghiệp vụ

Phòng Tổ chức Nhân sự: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cho CBCNV; thực hiện chính sách, chế độ tiền lương và các chế độ khác đối với người lao động; quản lý, điều hành công tác hành chính của Công ty.
- Xây dựng nội quy, quy chế, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- Tham mưu cho Giám đốc việc bố trí, sắp xếp lao động các phòng ban, chi nhánh và xí nghiệp của Công ty cho phù hợp với tính chất công việc phù hợp với luật lao động được nhà nước ban hành.
- Quản lý, lưu trữ hồ sơ của cán bộ công nhân viên, giải quyết những vấn đề phát sinh về quyền lợi cũng như chính sách của người lao động trong quá khứ và hiện tại.
- Phòng thực hiện các chức năng và điều hành mọi hoạt động theo sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp của Ban giám đốc Công ty.

Phòng Tài chính - Kế toán: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổng hợp, ghi chép lại các số liệu, tình hình tài chính của Công ty; báo cáo trực tiếp lên Ban giám đốc; thông qua tình hình tài chính giúp Giám đốc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ, thực hiện tốt các yêu cầu kiểm toán, thanh tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.
- Phản ánh chính xác, trung thực, đầy đủ, kịp thời, rõ ràng và dễ hiểu toàn diện các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên nguyên tắc kế toán độc lập về nghiệp vụ.

- Đề xuất những biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời những sai lệch trong hoạt động kinh doanh và quản lý tài chính.
- Phân tích tình hình tài chính trong khai thác mỏ, tham mưu những biện pháp cho kế hoạch tài chính của Ban giám đốc.

Phòng Kinh doanh Tổng hợp: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Tổ chức xây dựng các kế hoạch kinh doanh và tham mưu cho Hội đồng Quản Trị cũng như Ban Giám đốc định hướng phát triển trong trung và dài hạn của Công ty. Trên cơ sở kế hoạch kinh doanh của từng phòng ban, từng đơn vị, phòng sẽ lập kế hoạch kinh doanh tổng thể trong từng quý, từng năm để trình Ban Giám đốc xem xét phê duyệt.

Phòng Kế hoạch kỹ thuật: có các nhiệm vụ và chức năng sau:

- Xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa máy móc, thiết bị tại các nhà máy, các xí nghiệp phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh và khai thác mỏ tại các xí nghiệp của công ty. Có vấn cho Ban giám đốc kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị mới.
- Quản lý toàn bộ xưởng sửa chữa, thiết bị máy móc hiện có của Công ty.
- Lập kế hoạch và cung cấp vật tư theo tiến độ thực tế tại các nhà máy, công trường của Công ty.

3.3. Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Đồng)	Tỷ lệ sở hữu tính đến ngày 30/06/2021
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	Xóm Tân Lập, xã tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm)	171.000.000.000	95%

3.4. Các công ty liên kết: không có

4. Định hướng phát triển.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Kinh doanh hiệu quả, phát triển ổn định và bền vững.
- Đầu tư công nghệ, máy móc, thiết bị và dây chuyền sản xuất, tập trung vào khai thác mỏ.
- Đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, trong đó khai thác kinh doanh khoáng sản là ngành chủ đạo.
- Đào tạo đội ngũ CB-CNV có trình độ, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.
- Đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Đầu tư sâu vào lĩnh vực khai thác và kinh doanh khoáng sản.

4.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty

Tích cực tham gia vào bảo vệ môi trường và công tác xã hội nhằm xây dựng nông thôn mới và giúp đỡ địa phương theo khả năng thực tế của Công ty.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế

Chính sách tài chính và tiền tệ thắt chặt: Nhiều quốc gia duy trì chính sách tài chính và tiền tệ thắt chặt, dẫn đến chi phí vay tăng cao và nguy cơ suy thoái kinh tế.

Căng thẳng địa chính trị: Xung đột tại Trung Đông và căng thẳng giữa các cường quốc như Mỹ và Trung Quốc gây gián đoạn chuỗi cung ứng và thị trường năng lượng toàn cầu.

Phân mảnh thị trường và công nghệ: Xu hướng phân mảnh thị trường và công nghệ ngày càng rõ rệt, thể hiện qua sự mở rộng của khối BRICS và các biện pháp trừng phạt, làm suy yếu hợp tác quốc tế và hiệu quả của chuỗi cung ứng toàn cầu.

Bất ổn thị trường tài chính: Sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu, cùng với nợ công tăng cao, tạo ra những thách thức đối với tăng trưởng kinh tế.

***Giải pháp:** Công ty thường xuyên theo dõi diễn biến kinh tế để có những đề án, chiến lược và kế hoạch cụ thể, linh hoạt, kịp thời ứng phó với rủi ro.

5.2. Rủi ro về luật pháp

Là Doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty đại chúng, giao dịch tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội nên hoạt động của Công ty tuân theo các văn bản pháp luật của Công ty Cổ phần, hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Quy chế giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và các văn bản hướng dẫn thi hành... Mặc dù, trong nhiều năm qua, hệ thống luật pháp Việt Nam liên tục được hoàn thiện, song tính ổn định chưa cao, vẫn còn nhiều các quy định pháp luật đang trong giai đoạn hoàn thiện.

Bên cạnh đó Công ty hoạt động trong ngành khai thác khoáng sản vốn là ngành đặc thù và chịu những quy định của Nhà nước liên quan đến hoạt động của ngành khai thác khoáng sản.

***Giải pháp:** Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước... từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh đúng pháp luật và phù hợp với từng thời kỳ.

5.3. Rủi ro cấp phép khai thác mỏ

Thủ tục phức tạp, kéo dài gây khó khăn cho doanh nghiệp. Rủi ro tài chính do yêu cầu vốn cao và đòn bẩy tài chính lớn. Tranh chấp pháp lý trong chuyển nhượng quyền khai thác. Vi phạm quy định có thể dẫn đến xử phạt hoặc tạm dừng khai thác. Giám sát lỏng lẻo dẫn đến gian lận và thất thoát tài nguyên

***Giải pháp:** Các hoạt động của Công ty luôn bám sát quy trình đã được xây dựng cụ thể về việc thăm dò, khảo sát địa chất cho từng hoạt động, dự án triển khai, nhằm hạn chế thấp nhất rủi ro và tiết kiệm tối đa chi phí cho hoạt động này.

5.4. Rủi ro khác

Các yếu tố thời tiết như nắng nóng khắc nghiệt, mưa, bão lũ, sạt lở ảnh hưởng lớn đến sản lượng khai thác mỏ đá và sản xuất tại nhà máy của Công ty.

***Giải pháp:** Để hạn chế những thiệt hại khi có bất khả kháng xảy ra, Công ty đã chủ động tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho các dự án, công trình đang triển khai

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2024, sản xuất kinh doanh phục hồi mạnh sau đại dịch, với chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,4%. Tuy nhiên, biến động kinh tế toàn cầu, căng thẳng địa chính trị và chính sách bảo hộ đã ảnh hưởng đến tài chính, tiền tệ, năng lượng và lương thực. Dù thách thức, số doanh nghiệp quay lại hoạt động đạt mức cao nhất từ trước đến nay, cho thấy khả năng thích ứng mạnh mẽ. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Năm 2024
1	Doanh thu thuần hợp nhất	20-50 tỷ	50 tỷ
2	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	2-5 tỷ	5 tỷ

2. Tổ chức và nhân Sự:

❖ Ban tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
2	Ông Ngô Trường An	Phó Tổng Giám đốc
3	Bà Nguyễn Thị Hoa	Kế toán trưởng

• Tổng Giám đốc - Ông NGUYỄN ĐỨC THẮNG

Ngày tháng năm sinh : 30/03/1979
CMND : 111473848 Ngày cấp: 25/07/2012 Nơi cấp: CA TP Hà Nội
Địa chỉ thường trú : Nhà số 9 ngách 41, ngõ Chùa Nền, Phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Điện tử Viễn thông
Số CP nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

• Phó Tổng Giám đốc - Ông NGÔ TRƯỜNG AN

Ngày tháng năm sinh : 07/02/1985
CMND : 090783419 Ngày cấp: 06/08/2020 Nơi cấp: CA Thái Nguyên
Địa chỉ thường trú : Ngõ 169 Phường Quang Trung, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn : Cử nhân

Số CP nắm giữ : 50 cổ phần

• **Kế toán trưởng - Bà NGUYỄN THỊ HOA**

Ngày tháng năm sinh : 30/09/1960

CMND : 063034972 Ngày cấp: 21/11/2007 Nơi cấp: CA Lào Cai

Địa chỉ thường trú : Đường K3 - P.Phố Mới - TP Lào Cai

Trình độ chuyên môn : Trung cấp Kế toán

Số CP nắm giữ : 28.750 cổ phần, chiếm 0,0000117% vốn điều lệ

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2024, Công ty cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai không có sự thay đổi về mặt nhân sự trong Ban điều hành.

❖ **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:**

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Phân theo trình độ		
Trên Đại học	3	11,54%
Đại học	5	19,23%
Cao đẳng/trung cấp	8	30,77%
Công nhân/kỹ thuật	10	38,46%
Phân theo giới tính		
Nam	18	69,23%
Nữ	8	30,77%
Tổng	26	100%

- Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Chính sách đào tạo: Công ty cử CBCNV đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo từng lĩnh vực chuyên môn nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên có tính chuyên nghiệp cao.
- Chế độ khen thưởng:
 - Thưởng cho CBCNV hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
 - Thưởng cho CBCNV trong các dịp lễ, tết.
- Chế độ khác: Tổ chức chính quyền thường xuyên phối hợp với Công đoàn thực hiện các chế độ phúc lợi khác như trợ cấp khó khăn, chế độ cho lao động nữ, tạo điều kiện cho Đoàn thanh niên hoạt động, xét tặng tiền thưởng cho con CBCNV có thành tích cao trong học tập...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2024, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai không có các khoản đầu tư lớn.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty con: Trong năm 2024, Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình tập trung xây dựng hoàn thiện dự án nhà máy tuyển khoáng phục vụ khai thác mỏ đa kim tại Xóm Ngọc Lâm, xã Cao Rằm, huyện Lương Sơn và bản Đảng Long xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi,

tỉnh Hòa Bình, bên cạnh đó Công ty cũng tìm các đối tác để hợp tác kinh doanh trong việc khai thác mỏ. Hiện tại Công ty cũng đang thương thảo với các đối tác tiềm năng để sớm đưa nhà máy vào hoạt động để khai thác tối ưu tiềm năng khoáng sản của mỏ.

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	140.017.593.021	170.318.655.293	21,6%
Doanh thu thuần	51.353.442.478	33.565.216.052	-34,6%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.262.021.246	1.677.267.209	60,6%
Lợi nhuận khác	-1.017.021.974	0	100,0%
Lợi nhuận trước thuế	3.244.999.272	1.677.267.209	48,3%
Lợi nhuận sau thuế	3.244.999.272	1.677.267.209	48,3%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,40	1,28	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	2,40	1,28	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,13	0,27	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,14	0,37	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	0	0	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,37	0,20	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,06	0,05	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,03	0,01	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,01	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh			

doanh/Doanh thu thuần	0,08	0,05	
-----------------------	------	------	--

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu. (Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 20/04/2024)

a) *Cổ phần*: Tổng số cổ phần đang lưu hành là 24.633.000 là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng./.

b) *Cơ cấu cổ đông*:

Cơ cấu vốn	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ
1. Cổ đông trong nước	3.111	23.633.645	236.336.450.000	95,94%
a. <i>Pháp nhân</i>	15	90.755	907.550.000	0,37%
b. <i>Cá nhân</i>	3.070	23.542.890	235.428.900.000	95,57%
2. Cổ đông nước ngoài	26	999.355	9.993.550.000	4,06%
a. <i>Pháp nhân</i>	3	35.568	355.680.000	0,14%
b. <i>Cá nhân</i>	23	963.787	9.637.870.000	3,91%
Tổng cộng	3.137	24.633.000	246.330.000.000	100%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường: Không

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 547.069 kwh

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không.

6.4. Tiêu thụ nước: mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Nguồn nước sạch của Lượng nước sử dụng: 4500 m3/năm.

- Nguồn nước giếng khoan. lượng nước sử dụng 550m3/năm

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 VND

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số lượng lao động bình quân năm: 26
- Thu nhập bình quân người/tháng: 6 triệu đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Thực hiện cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, đảm bảo thu nhập ổn định cho CBCNV, tổ chức thường xuyên các buổi sinh hoạt tập thể, kỷ niệm các ngày lễ, tổ chức sinh nhật định kỳ hàng quý cho CBCNV;
- Khen thưởng, khuyến khích động viên kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD;
- Duy trì tốt việc tổ chức bữa ăn ca tại Công ty cho CBCNV;
- Thường xuyên duy trì công tác toàn lao động, phòng chống cháy nổ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
+ Đào tạo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ 48 giờ/năm.
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Không

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Công ty luôn hỗ trợ quỹ chất độc da cam; Hội người mù, đồng bào bảo lụt ...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2024, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai tập trung đầu tư và hoàn thiện dự án nhà máy tuyển khoáng phục vụ khai thác mỏ đa kim tại Xóm Ngọc Lâm (xã Cao Răm, huyện Lương Sơn) và Bản Đảng Long (xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình). Đồng thời, Công ty tích cực tìm kiếm đối tác hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực khai thác mỏ. Hiện tại, nhà máy đã hoàn thiện công nghệ mới và đi vào sản xuất, với sự hỗ trợ từ các chuyên gia Úc và Nhật Bản.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	31/12/2024	31/12/2023	Biến động
TÀI SẢN NGẮN HẠN	59.404.271.007	42.525.276.289	16.878.994.718
Tiền và các khoản tương đương tiền	217.284.998	506.637.981	(289.352.983)
Các khoản phải thu ngắn hạn	57.204.545.572	40.122.452.099	17.082.093.473
Hàng tồn kho	322.350.000	107.900.000	214.450.000
Tài sản ngắn hạn khác	1.660.090.437	1.788.286.209	(128.195.772)

TÀI SẢN DÀI HẠN	110.914.384.286	97.492.316.732	13.422.067.554
Tài sản cố định	1.665.175.705	2.243.108.151	(577.932.446)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	47.914.666.450	47.914.666.450	-
Tài sản dở dang dài hạn	6.034.365.131	6.034.365.131	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	170.318.655.293	140.017.593.021	30.301.062.272

b) Tình hình nợ phải trả

NỢ PHẢI TRẢ	31/12/2024	31/12/2023
NỢ NGẮN HẠN	46.337.763.894	17.713.968.921
1. Phải trả người bán ngắn hạn	40.478.857.560	11.888.214.587
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	356.020.240	355.042.240
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	431.545.116	431.545.116
9. Phải trả ngắn hạn khác	45.034.000	12.860.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.230.000.000	2.230.000.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.796.306.978	2.796.306.978
NỢ DÀI HẠN	-	-

Tính đến thời điểm 31/12/2024 Công ty không phải vay và nợ dài hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- ✓ Nâng cao chất lượng công tác đảm bảo kỹ thuật, an toàn và tối ưu hóa chi phí vật tư, nhiên liệu.
- ✓ Tăng cường quản lý thiết bị, vật tư, nhiên liệu và kiểm soát chặt chẽ chi phí.

Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Công ty chú trọng đầu tư sâu vào lĩnh vực khai thác và kinh doanh khoáng sản.

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

1. Từ chối đưa ra ý kiến với các khoản đầu tư Công ty liên kết

Chúng tôi không tiếp cận được báo cáo tài chính và báo cáo tài chính được kiểm toán của Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn với Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 24,145 tỷ VND và của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường Xanh Bình Thành với Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 23,769 tỷ VND. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá về giá trị thuần của khoản đầu tư cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

- Vào thời điểm kiểm toán báo cáo bán niên năm 2024 chúng tôi hiện chưa liên hệ được với ban giám đốc cũng như kế toán viên của 2 công ty liên kết trên, vì vậy cung cấp hồ sơ tài chính liên quan đến 2 công ty trên bị chậm trễ, dẫn đến việc kiểm toán viên không thể đánh giá được giá trị dự phòng giảm giá khoản đầu tư trên.

2. Từ chối đưa ra ý kiến với các khoản phải thu:

Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu về cho vay các cá nhân bằng tiền mặt không có tài sản đảm bảo với giá trị gốc và lãi tại ngày 31/12/2024 lần lượt là 55,129 tỷ VND và 855 triệu VND. Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty hay không.

- Vào thời điểm kiểm toán báo cáo bán niên năm 2024 chúng tôi hiện chưa thu hồi được các khoản vay và lãi trên vì vậy kiểm toán viên không thể đánh giá được mức trích lập dự phòng cần thiết, hiện tại chúng tôi đang làm các thủ tục để thu toàn bộ khoản tiền trên.

3. Từ chối đưa ra ý kiến với các khoản phải thu ngắn hạn

Tại ngày 31/12/2024, trong khoản mục "Phải thu ngắn hạn khác" đang ghi nhận tạm ứng cho một số cán bộ, công nhân viên để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh với số tiền 35.500.000.000 VND. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng nêu trên. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các khoản tạm ứng trên là có khả năng thu hồi và không gây ảnh hưởng đến tổn thất tài sản của Công ty. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi cũng không đánh giá được tính hợp lý, mục đích sử dụng cũng như khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng nêu trên.

- Vào thời điểm kiểm toán báo cáo bán niên 2024 chúng tôi hiện chưa thu hồi các khoản tạm ứng cho một số cán bộ, công nhân viên để phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty với số tiền 35.500.000.000 VND vì vậy kiểm toán viên cũng chưa thể đánh giá được tính hợp lý của số dư các khoản tạm ứng nêu trên.

4. Ý kiến về tình hình hoạt động của đơn vị

Tại ngày 31/12/2024, lũy kế của Công ty là 133,144 tỷ VND, Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Đồng thời Dự án khai thác quặng vàng tại huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo giấy phép khai thác khoáng sản số 80/QĐ/UBND ngày 12/11/2009 của Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình (Công ty con) đã hết hiệu lực và chưa được gia hạn. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến" nêu trên, tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về giả định hoạt động liên tục của Công ty được lập phù hợp hay chưa.

- Hiện tại Công ty chúng tôi đang tập trung vào việc gia hạn dự án khai thác mỏ Vàng của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (là công ty con), nhưng công ty chúng tôi vẫn có Doanh thu từ các hoạt động chính khác. Theo đây, Chúng tôi cũng xin cam kết và đảm bảo về khả năng hoạt động liên tục của Công ty ở thời điểm hiện tại cũng như trong thời gian tới.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Do đặc thù của Công ty là khai thác mỏ nên vấn đề an toàn lao động luôn được quan tâm. Công ty đã thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động như: mua bảo hiểm, trang bị các công cụ, dụng cụ đảm bảo an toàn trong quá trình lao động, hướng dẫn người lao động thực hiện các biện pháp an toàn...

Ngoài ra, Công ty luôn tích cực tham gia vào bảo vệ môi trường và công tác xã hội nhằm xây dựng nông thôn mới và giúp đỡ địa phương theo khả năng thực tế của Công ty

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

Trong năm 2024, để phục vụ công tác quản trị, Hội đồng Quản trị đã tổ chức 5 cuộc họp và ban hành 4 nghị quyết. Hội đồng Quản trị thực hiện tốt vai trò giám sát, triển khai nghị quyết, đồng thời đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng của Tổng Giám đốc.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ, đáp ứng yêu cầu của Ban Kiểm soát, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ chức năng và hoàn thành nhiệm vụ.

Bên cạnh việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024, Công ty luôn quan tâm đến đời sống người lao động, đảm bảo quyền lợi về BHXH, BHYT, BHTN... Đồng thời, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cũng tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động đúng quy định pháp luật.

- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty.

Năm 2024, dù hoạt động sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực không ngừng để duy trì ổn định và phát triển. Với quyết tâm cao, Công ty đã thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024, đảm bảo thu nhập cho người lao động, đồng thời tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

- Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2025 tiếp tục là một năm đầy thách thức với những cơ hội và khó khăn đan xen, do tình hình thế giới diễn biến phức tạp và khó lường. Trên nền tảng tiềm lực và nguồn lực sẵn có, Hội đồng Quản trị cam kết nâng cao trách nhiệm chỉ đạo, đồng hành cùng Ban Điều hành để thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Cụ thể:

- Duy trì các cuộc họp định kỳ của Hội đồng Quản trị và sẵn sàng tổ chức họp bất thường khi cần thiết, kịp thời ban hành nghị quyết, quyết định nhằm tháo gỡ khó khăn, đảm bảo doanh nghiệp vận hành linh hoạt, tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh.
- Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và sửa đổi các quy định về quản trị nội bộ, hướng đến mô hình quản trị doanh nghiệp chuyên nghiệp, công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành.

Trước mắt, triển khai một số giải pháp trọng tâm:

- (i) Duy trì ổn định và thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh trong bối cảnh mới.
- (ii) Tăng cường quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật, tối ưu hóa nhân sự để nâng cao hiệu quả điều hành.
- (iii) Đẩy mạnh đầu tư vào máy móc, thiết bị hiện đại nhằm cải thiện năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Với những định hướng trên, Hội đồng Quản trị tin tưởng vào sự phát triển bền vững của Công ty trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

V. Quản trị công ty

1. Thành viên HĐQT

a) Thành viên và cơ cấu HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TV HĐQT không điều hành))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Vũ Đình Vinh	Chủ tịch HĐQT	25/06/2021	
2	Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên HĐQT	26/05/2016	
3	Ông Ngô Trường An	Thành viên HĐQT	14/06/2014	
4	Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên HĐQT độc lập/không điều hành	24/06/2020	
5	Ông Bùi Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập/không điều hành	24/06/2020	

Năm 2024, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã chỉ đạo Công ty tuân thủ chặt chẽ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và triển khai hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ). Cụ thể:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên đến Ban Giám đốc và các bộ phận liên quan, đảm bảo thống nhất trong toàn Công ty.
- HĐQT đạt sự đồng thuận cao về mục tiêu củng cố và phát triển bền vững hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, đồng thời chú trọng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đảm bảo quyền lợi theo chế độ chính sách cho người lao động.
- Ban hành các nghị quyết quan trọng về định hướng chiến lược, chính sách quản lý, điều hành, đầu tư và dịch vụ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát trong việc lựa chọn công ty kiểm toán để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, đảm bảo tính minh bạch và chính xác.

Với những định hướng trên, HĐQT tiếp tục khẳng định vai trò lãnh đạo, đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-HĐQT	01/04/2024	Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
2	02/2024/NQ-HĐQT	01/04/2024	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
3	03/2024/NQ-HĐQT	27/06/2024	Lựa chọn đơn vị kiểm toán	100%

			cho năm tài chính 2024	
4	04/2024/NQ-HĐQT	15/08/2024	Kết quả hoạt động 6 tháng 2024, Kế hoạch 6 tháng cuối năm 2024	100%
5	05/2024/NQ-HĐQT	18/12/2024	Kế hoạch hoạt động năm 2025	100%

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

- Trong năm 2024, Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã triển khai công việc theo đúng kế hoạch, bám sát Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ), tuân thủ Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị và các thông lệ quản trị doanh nghiệp chuẩn mực.
- Các thành viên HĐQT luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao, thực hiện rõ ràng vai trò được phân công, đặt lợi ích của Công ty lên hàng đầu và cẩn trọng trong mọi quyết định.
- HĐQT đã chủ động đề xuất nhiều giải pháp kịp thời, hiệu quả, hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc vượt qua những thách thức trong quá trình vận hành, đồng thời thực hiện tốt vai trò giám sát, kiểm soát để đảm bảo Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật.
- HĐQT đã lãnh đạo Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động và cùng Ban Tổng Giám đốc thúc đẩy các hoạt động văn hóa doanh nghiệp bền vững. Với phương pháp làm việc hiệu quả, sáng tạo, HĐQT đã đồng hành cùng Công ty trong việc xây dựng và phát triển các giá trị bền vững, hướng tới sự phát triển lâu dài và thịnh vượng.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

2. Ban Kiểm soát:

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:** Gồm 03 thành viên gồm Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nhữ Ngọc Quang	Trưởng BKS	26/06/2019	Cử nhân Kế toán
2	Ông Ngô Gia Huy	Thành viên BKS	20/05/2016	Cử nhân kinh tế
4	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên BKS	12/07/2022	Thạc sỹ kinh tế

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Trưởng Ban đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, đồng thời đề ra phương hướng và kế hoạch hoạt động làm cơ sở triển khai xuyên suốt.
- Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Điều hành trong việc rà soát, kiểm tra hoạt động kinh doanh, đầu tư, tài chính... nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và bám sát kế hoạch đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Đồng thời, theo dõi việc công bố thông tin của Công ty và kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện chế độ chi tiêu nội bộ.
- Đưa ra các đề xuất, kiến nghị cần thiết cho HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong quá trình hoạt động, bao gồm việc đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ tên	Thù lao (VND)
	HĐQT	60.000.000
1	Ông Vũ Đình Vinh - Chủ tịch HĐQT.	0
2	Ông Nguyễn Đức Thắng - Thành viên HĐQT	0
3	Ông Ngô Trường An- Thành viên HĐQT	0
4	Ông Bùi Thanh Bình - Thành viên HĐQT độc lập/không điều hành	0
5	Ông Hoàng Quốc Tùng - Thành viên HĐQT độc lập/không điều hành	60.000.000
	Ban Tổng giám đốc	96.000.000
1	Nguyễn Đức Thắng	96.000.000
2	Ngô Trường An	0
	Ban kiểm soát	0
1	Ông Nhữ Ngọc Quang	0
2	Ông Ngô Gia Huy	0
3	Nguyễn Văn Tuấn	0

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Stt No.	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: không có
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty luôn chú trọng công tác cập nhật các quy định mới ban hành về quản trị công ty, và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty.
- Bên cạnh đó, Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện để các thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc, thành viên BKS, các cán bộ quản lý tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán: **Từ chối đưa ra ý kiến**

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

(Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

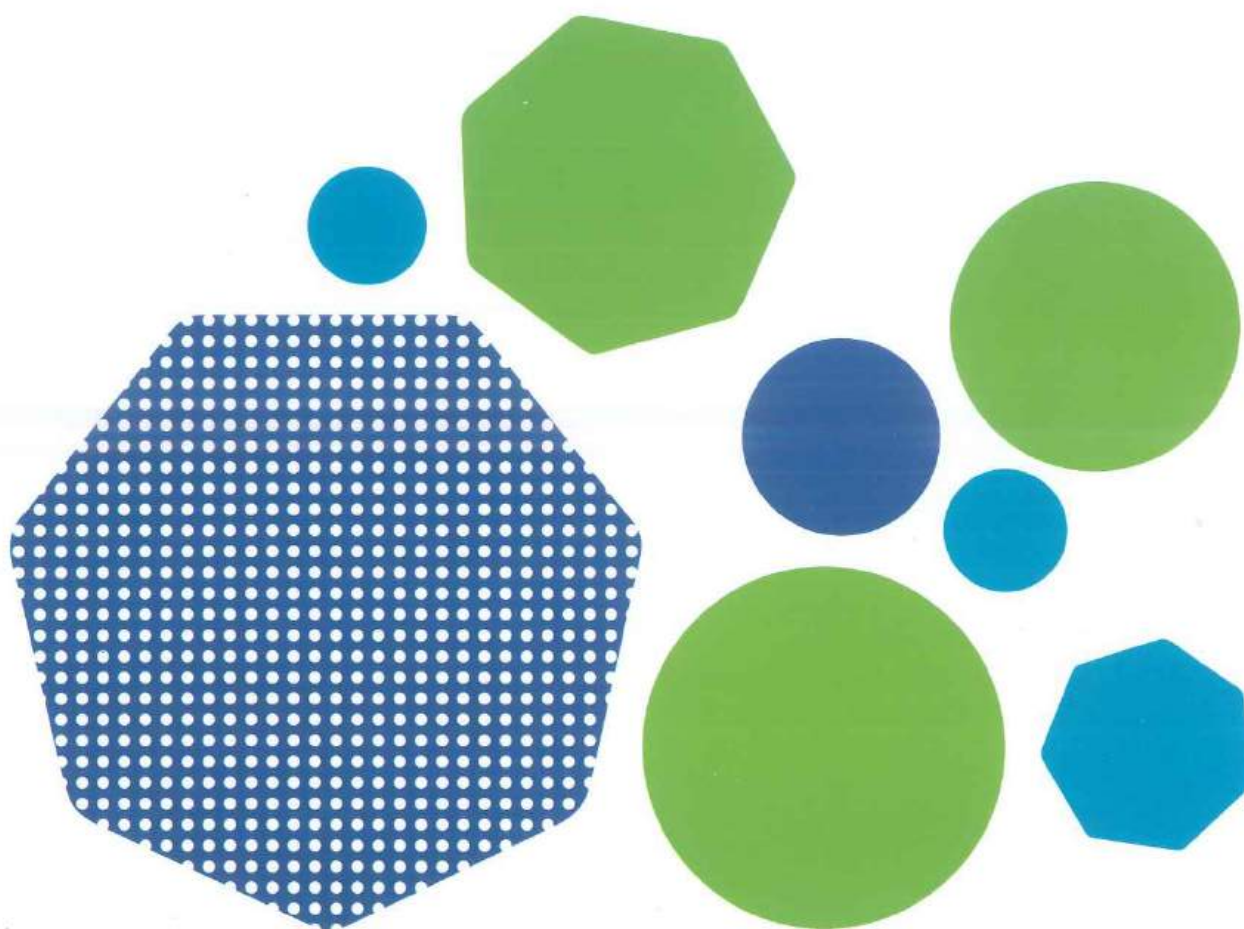
Nơi nhận:

- Sở giao dịch CK, UBCK;
- Lưu: VT,

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
CÔNG TY**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Thịnh



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN LÀO CAI**
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024

Tháng 03 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đình Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông Ngô Trường An	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên
Ông Bùi Thanh Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trường An	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện trước Pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Đức Thắng.

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Nguyễn Thị Hoa.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,





Nguyễn Đức Thắng
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Số: 356/2024/UHYHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập Ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 28 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không tiếp cận được báo cáo tài chính và báo cáo tài chính được kiểm toán của Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn với Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 24,145 tỷ VND và của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường Xanh Bình Thành với Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu là 23,769 tỷ VND. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá về giá trị thuần của khoản đầu tư cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty.

Chúng tôi cũng không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu về cho vay các cá nhân bằng tiền mặt không có tài sản đảm bảo với giá trị gốc và lãi tại ngày 31/12/2024 lần lượt là 55,129 tỷ VND và 855 triệu VND. Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty hay không.

Tại ngày 31/12/2024, trong khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” đang ghi nhận tạm ứng cho một số cán bộ, công nhân viên để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh với số tiền 35.500.000.000 VND. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng nêu trên. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các khoản tạm ứng trên là có khả năng thu hồi và không gây ảnh hưởng đến tổn thất tài sản của Công ty. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi cũng không đánh giá được tính hợp lý, mục đích sử dụng cũng như khả năng thu hồi của các khoản tạm ứng nêu trên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2024, lỗ lũy kế của Công ty là 133,144 tỷ VND, Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Đồng thời Dự án khai thác quặng vàng tại huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo giấy phép khai thác khoáng sản số 80/QĐ/UBND ngày 12/11/2009 của Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình (Công ty con) đã hết hiệu lực và chưa được gia hạn. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến” nêu trên, tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể ảnh hưởng tới khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về giả định hoạt động liên tục của Công ty được lập phù hợp hay chưa.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Đặng Minh Đức

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4885-2025-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Lại Trường Dương

Kiểm toán viên

Giấy ĐKHN kiểm toán số: 3392-2021-112-1

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
Tại ngày 31/12/2024				
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		59.404.271.007	42.525.276.289
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	217.284.998	506.637.981
Tiền	111		217.284.998	506.637.981
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		57.204.545.572	40.122.452.099
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.502.713.000	5.099.981.976
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		799.964.407	799.964.407
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	37.901.868.165	34.222.505.716
Hàng tồn kho	140	9	322.350.000	107.900.000
Hàng tồn kho	141		322.350.000	107.900.000
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.660.090.437	1.788.286.209
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.660.090.437	1.788.286.209
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		110.914.384.286	97.492.316.732
Các khoản phải thu dài hạn	210		55.300.177.000	41.300.177.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	55.129.000.000	41.129.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	171.177.000	171.177.000
Tài sản cố định	220		1.665.175.705	2.243.108.151
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.665.175.705	2.243.108.151
- Nguyên giá	222		15.198.828.192	15.198.828.192
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.533.652.487)	(12.955.720.041)
Tài sản dở dang dài hạn	240		6.034.365.131	6.034.365.131
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	6.034.365.131	6.034.365.131
Đầu tư tài chính dài hạn	250		47.914.666.450	47.914.666.450
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	47.914.666.450	47.914.666.450
TỔNG TÀI SẢN	270		170.318.655.293	140.017.593.021

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		46.337.763.894	17.713.968.921
Nợ ngắn hạn	310		46.337.763.894	17.713.968.921
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	40.478.857.560	11.888.214.587
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		356.020.240	355.042.240
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	431.545.116	431.545.116
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	45.034.000	12.860.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	2.230.000.000	2.230.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.796.306.978	2.796.306.978
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123.980.891.399	122.303.624.100
Vốn chủ sở hữu	410	16	123.980.891.399	122.303.624.100
Vốn góp của chủ sở hữu	411		246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		246.330.000.000	246.330.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.910.000)	(1.910.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.145.322.665	5.145.322.665
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.796.306.978	2.796.306.978
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(133.144.797.008)	(134.773.923.533)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(134.773.923.533)	(137.900.081.576)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.629.126.525	3.126.158.043
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.855.968.764	2.807.827.990
TỔNG NGUỒN VỐN	440		170.318.655.293	140.017.593.021

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc









Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng

Mẫu số B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
	Mã số	Thuyết minh		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	33.565.216.052	51.353.442.478
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		33.565.216.052	51.353.442.478
Giá vốn hàng bán	11	18	31.826.005.999	47.967.841.849
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.739.210.053	3.385.600.629
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	2.117.748.097	2.382.222.498
Chi phí tài chính	22	20	10.120.297	16.298.735
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	(12.652.310)
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	2.169.570.644	1.476.850.836
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.677.267.209	4.262.021.246
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32	22	-	1.017.021.974
Lợi nhuận khác	40		-	(1.017.021.974)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.677.267.209	3.244.999.272
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.677.267.209	3.244.999.272
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.629.126.525	3.126.158.043
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		48.140.684	118.841.229
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	66	127
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	23	66	127

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc









Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng

Mẫu số B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.677.267.209	3.244.999.272
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		577.932.446	836.554.074
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(2.117.748.097)	(2.369.570.188)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		137.451.558	1.711.983.158
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24.779.472.586)	7.388.294.014
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(214.450.000)	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		28.623.794.973	2.843.943.026
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.767.323.945	11.944.220.198
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.500.000.000)	(14.629.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.500.000.000	500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.943.323.072	78.332
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.056.676.928)	(14.128.921.668)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		-	2.230.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	2.230.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(289.352.983)	45.298.530
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	506.637.981	461.339.451
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	217.284.998	506.637.981

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc







Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai, (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1202000192 cấp lần đầu ngày 18/09/2002, đã đăng ký thay đổi lần thứ 18 vào ngày 05/6/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 28B, đường Phan Đình Giót, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đến ngày 31/12/2024 là 246.330.000.000 đồng chia thành 24.633.000 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác quặng kim loại quý hiếm.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 19 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 19 người).

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết:

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con			
- Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình	95%	95%	Khai thác quặng kim loại không chứa sắt
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	35%	35%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường xanh Bình Thành	33,25%	35%	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty mẹ và các Công ty con. Các giao dịch nội bộ và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.4 GIẢ THIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại 31/12/2024 lỗ lũy kế của công ty là 133.144.797.008 VND, , Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Đồng thời Dự án khai thác quặng vàng tại huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình theo giấy phép khai thác khoáng sản số 80/QĐ/UBND ngày 12/11/2009 của Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình (Công ty con) đã hết hiệu lực và đến thời điểm phát hành báo cáo này vẫn chưa được gia hạn. Những vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty trong tương lai.

Trong năm hoạt động kinh doanh chính của công ty ở mức cầm chừng, lợi nhuận gộp thấp chưa đủ bù đắp các chi phí quản lý doanh nghiệp. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới hiệu quả hơn và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty vẫn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong các hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh thích hợp để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty và các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ với Công ty con và giữa Công ty con với nhau, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại Công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua Công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ góp vốn (trực tiếp hoặc gián tiếp) tương ứng của từng bên trong Công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ vốn góp theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ vốn góp thực thì tỷ lệ lợi ích được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành 1 chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Khi bán công ty con giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào các khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty và các Công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản đầu tư vào Công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Công ty mẹ và các Công ty con trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty và các Công ty con có nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho Công ty liên kết. Sau khi áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu, bao gồm cả việc ghi nhận khoản lỗ trong Công ty Liên doanh, liên kết, Công ty áp dụng các quy định của Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính để xác định xem có cần phải ghi nhận thêm khoản lỗ do giảm giá trị khoản đầu tư thuần của nhà đầu tư vào công ty Liên doanh, liên kết bị suy giảm được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Tồn thất tài sản”

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con. Khi chính sách kế toán của Công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty và các Công ty con thì Báo cáo tài chính của Công ty liên kết sẽ có các điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các Công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty và các Công ty con khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.3 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập. Giá xuất của nguyên vật liệu được tính theo phương pháp nhập trước - xuất trước, giá xuất của hàng hóa được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 45
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỠ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí thực hiện các dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.9 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

3.10 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

3.11 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.12 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.14 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	210.172.456	502.350.598
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.112.542	4.287.383
Cộng	217.284.998	506.637.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo PP VCSH	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo PP VCSH
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	47.950.000.000	47.914.666.450	-	47.950.000.000
+ Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn (*)	24.150.000.000	24.145.465.329	-	24.150.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường xanh Bình Thành (*)	23.800.000.000	23.769.201.121	-	23.800.000.000
	47.950.000.000	47.914.666.450	-	47.950.000.000

(*) Giá trị ghi sổ Theo phương pháp vốn chủ sở hữu của hai công ty liên kết trên được lập dựa trên báo cáo tài chính của công ty đó tại ngày 30/06/2023. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường Xanh Bình Thành đang khó khăn về hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc thu hồi các khoản đầu tư trong tương lai và chưa biết thời gian nào tình hình tài chính sẽ được cải thiện.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	Thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	35%	35%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Môi trường Xanh Bình Thành	Số nhà 95, đường Lê Hồng Phong, tổ 22, phường Minh Khai, Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang	33,25%	35%	Dịch vụ xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	18.502.713.000	-	5.099.981.976	-
- Công ty TNHH Dầu tư và Phát triển Năng lượng sạch Việt Nam	-	-	4.886.981.976	-
- Công ty CP KT và TMDV NN An Phát	2.472.333.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dầu tư 268	2.036.600.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển TM NN Nam Gia	3.749.740.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	9.981.540.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	262.500.000	-	213.000.000	-
Cộng	18.502.713.000	-	5.099.981.976	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Dài hạn	55.129.000.000	-	41.129.000.000	-
- Nguyễn Thị Hoàng Thảo	-	-	9.000.000.000	-
- Nguyễn Thị Tuyền	-	-	5.500.000.000	-
- Phạm Thị Hương	-	-	7.000.000.000	-
- Nguyễn Văn Phong	-	-	5.000.000.000	-
- Nguyễn Tiến Thịnh (*)	5.000.000.000	-	-	-
- Nguyễn Tiến Đạt (*)	5.000.000.000	-	-	-
- Nguyễn Thọ Tiền (*)	6.000.000.000	-	-	-
- Nguyễn Thị Mỹ Nương (*)	8.000.000.000	-	-	-
- Hồ Thị Bích Ly (*)	5.500.000.000	-	-	-
- Trịnh Thị Ngọc Châu (*)	6.000.000.000	-	-	-
- Trương Thị Thủy Hà (*)	5.000.000.000	-	-	-
- Ông Vũ Chí Đức (**)	14.629.000.000	-	14.629.000.000	-
Cộng	55.129.000.000	-	41.129.000.000	-

(*) Hợp đồng cho vay với lãi suất 6%/năm, thời hạn vay 36 tháng, không có tài sản đảm bảo, mục đích: Cung cấp nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tính đến ngày 16/05/2024 Công ty đã thu được toàn bộ gốc và lãi của hợp đồng trên.

(**) Phải thu về cho vay các cá nhân theo hợp đồng số 01/2023/GLHB-CN ngày 26/02/2023 với lãi suất 6%/ năm, thời hạn cho vay là 36 tháng, mục đích: Cung cấp nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	37.901.868.165	-	34.222.505.716	-
- Tạm ứng Công nhân viên công ty mẹ	3.500.000.000	-	8.500.000.000	-
- Tạm ứng Công nhân viên công ty con	32.000.000.000	-	15.500.000.000	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay tại công ty mẹ	633.863.011	-	9.342.611.111	-
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay tại công ty con	222.000.000	-	793.971.602	-
- Các khoản phải thu khác	1.546.005.154	-	85.923.003	-
Dài hạn	171.177.000	-	171.177.000	-
- Ký cược, ký quỹ	171.177.000	-	171.177.000	-
Cộng	38.073.045.165	-	34.393.682.716	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	107.900.000	-	107.900.000	-
Hàng hóa	214.450.000	-	-	-
Cộng	322.350.000	-	107.900.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dùng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2024	7.708.302.406	6.435.920.153	963.104.633	91.501.000	15.198.828.192
Tại 31/12/2024	7.708.302.406	6.435.920.153	963.104.633	91.501.000	15.198.828.192
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2024	(6.277.194.255)	(5.623.920.153)	(963.104.633)	(91.501.000)	(12.955.720.041)
- Khấu hao trong kỳ	(334.332.446)	(243.600.000)	-	-	(577.932.446)
Tại 31/12/2024	(6.611.526.701)	(5.867.520.153)	(963.104.633)	(91.501.000)	(13.533.652.487)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2024	1.431.108.151	812.000.000	-	-	2.243.108.151
Tại 31/12/2024	1.096.775.705	568.400.000	-	-	1.665.175.705

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 9.686.057.815 đồng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Xây dựng cơ bản khác	6.034.365.131	6.034.365.131
Cộng	6.034.365.131	6.034.365.131

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	40.478.857.560	40.478.857.560	11.888.214.587	11.888.214.587
- Công ty TNHH Đầu tư XD và TM Phạm Quân	5.149.096.128	5.149.096.128	-	-
- Công ty TNHH Nội thất Tây Bắc Việt Nam	3.571.400.160	3.571.400.160	-	-
- Công ty TNHH Vận tải và Thương mại tổng hợp Tiến Dũng	2.097.892.553	2.097.892.553	2.097.892.553	2.097.892.553
- Công ty TNHH Thương mại Trần Văn Trường	2.097.048.000	2.097.048.000	2.097.048.000	2.097.048.000
- Công ty TNHH XD và vận tải Hà Lào	6.428.166.480	6.428.166.480	5.732.486.640	5.732.486.640
- Hợp tác xã Tơ Tầm Sơn Lương	12.100.000.000	12.100.000.000	664.592.366	664.592.366
- Hợp tác xã Môi trường xanh Chấn Thịnh	988.000.000	988.000.000	849.775.829	849.775.829
- Các đối tượng khác	8.047.254.239	8.047.254.239	446.419.199	446.419.199
Cộng	40.478.857.560	40.478.857.560	11.888.214.587	11.888.214.587

13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2024		Trong năm		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000
- Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam (*)	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000
Cộng	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000

(*) Hợp đồng vay tiền số 01/HĐV/LCM-BVVN ngày 13/12/2023 giữa Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam và Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai. Số tiền vay là 2.230.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay 6 tháng, mục đích vay để kinh doanh, không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	431.545.116	431.545.116
- Chi phí khác	431.545.116	431.545.116
Cộng	431.545.116	431.545.116

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	45.034.000	12.860.000
- Kinh phí công đoàn	12.860.000	12.860.000
- Bảo hiểm xã hội	32.174.000	-
Cộng	45.034.000	12.860.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2023	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(137.900.083.376)	2.688.986.761	119.058.623.028
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	3.126.158.043	118.841.229	3.244.999.272
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	1.800	-	1.800
Tại 31/12/2023	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(134.773.923.533)	2.807.827.990	122.303.624.100
Tại 01/01/2024	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(134.773.923.533)	2.807.827.990	122.303.624.100
- Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	1.629.126.525	48.140.774	1.677.267.299
Tại 31/12/2024	246.330.000.000	(1.910.000)	5.145.322.665	2.796.306.978	(133.144.797.008)	2.855.968.764	123.980.891.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	246.330.000.000	246.330.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	246.330.000.000	246.330.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	-	-

16.3 CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.633.000	24.633.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.633.000	24.633.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.633.000	24.633.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	191	191
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	191	191
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.632.809	24.632.809
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	24.632.809	24.632.809
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

16.4 CÁC QUỸ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	5.145.322.665	5.145.322.665
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.796.306.978	2.796.306.978
Cộng	7.941.629.643	7.941.629.643

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng	21.647.199.385	16.131.266.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.918.016.667	35.222.176.478
Cộng	33.565.216.052	51.353.442.478

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Giá vốn bán hàng hóa	20.226.005.999	14.518.139.400
- Giá vốn dịch vụ	11.600.000.000	33.449.702.449
Cộng	31.826.005.999	47.967.841.849

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.117.748.097	2.382.222.498
Cộng	2.117.748.097	2.382.222.498

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí tài chính khác	10.120.297	16.298.735
Cộng	10.120.297	16.298.735

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	2.169.570.644	1.476.850.836
- Chi phí nhân viên quản lý	1.170.840.000	1.028.032.000
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	577.932.446	325.238.356
- Thuế, phí và lệ phí	17.556.995	107.271.393
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	403.241.203	16.309.087
Cộng	2.169.570.644	1.476.850.836

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.387.228.360	3.126.158.043
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	24.632.809	24.632.809
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	97	127

23. THÔNG TIN KHÁC

23.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thông tin về các bên liên quan

(Đơn vị tính: VND)

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của các thành viên Ban Tổng giám đốc		
Ông Nguyễn Đức Thắng	96.000.000	96.000.000
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Hoàng Quốc Tùng	60.000.000	60.000.000
Cộng	156.000.000	156.000.000

23.2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phòng giám đốc



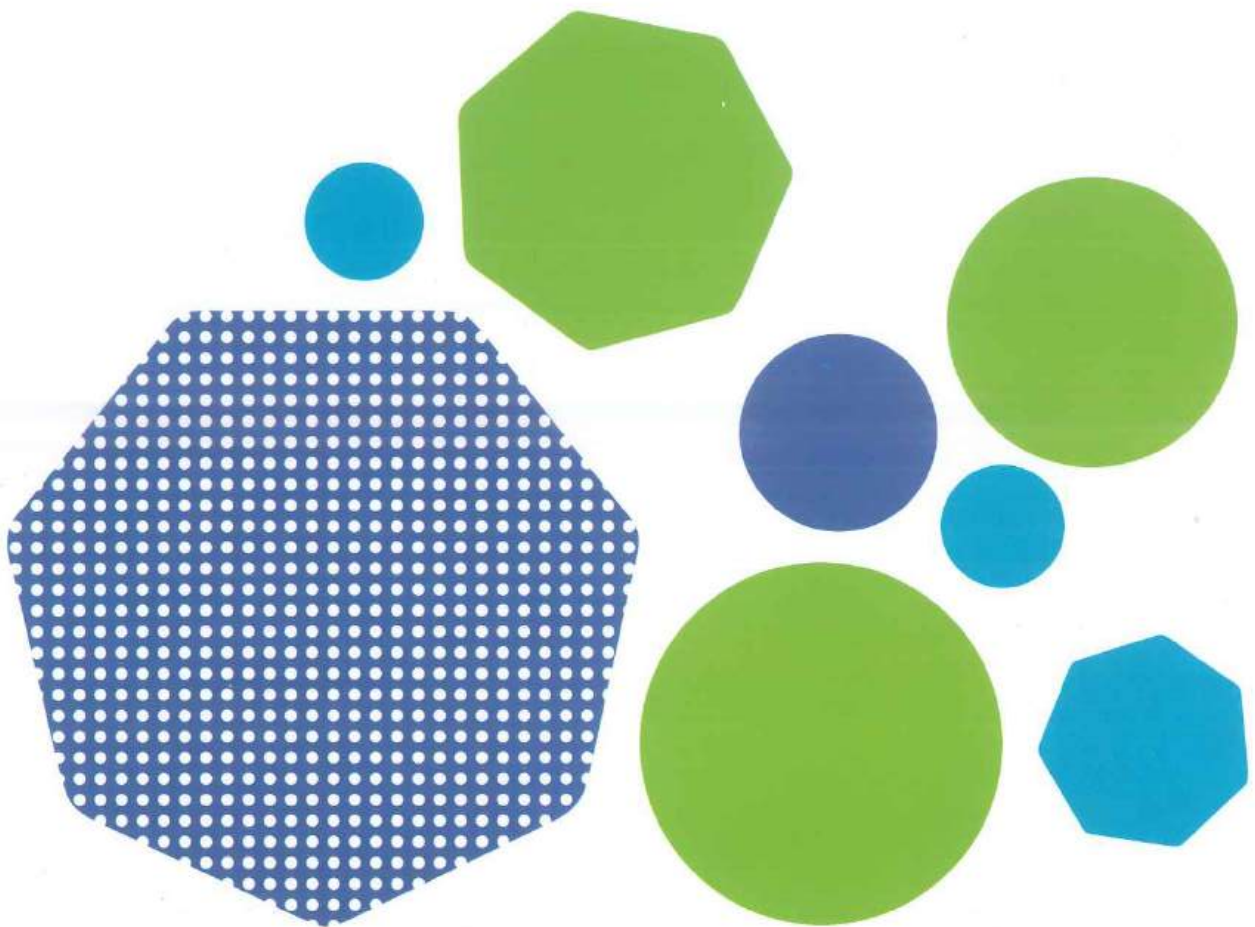
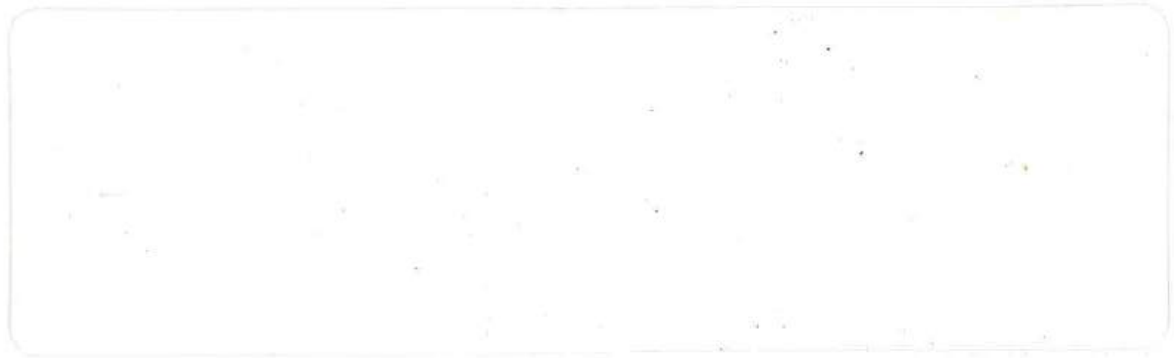




Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN LÀO CAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2024**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đình Vinh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thắng	Thành viên
Ông Ngô Trường An	Thành viên
Ông Hoàng Quốc Tùng	Thành viên
Ông Bùi Thanh Bình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Trường An	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật của Công ty là Ông Nguyễn Đức Thắng
Kế toán trưởng của Công ty là Bà Nguyễn Thị Hoa

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Hà Nội - Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Đức Thắng

Tổng Giám đốc

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**

**Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Tại ngày 31/12/2024, trong khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” đang ghi nhận khoản tạm ứng cho một số cán bộ, công nhân viên để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh với số tiền 3.500.000.000 VND. Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến tình hình sử dụng các khoản tạm ứng nêu trên. Mặc dù Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá các khoản tạm ứng trên là có khả năng thu hồi và không gây ảnh hưởng đến tổn thất tài sản của công ty. Tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi cũng không đánh giá được tính hợp lý của số dư các khoản tạm ứng nêu trên cũng như mục đích sử dụng cả các khoản tạm ứng này.

Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu về cho vay các cá nhân bằng tiền mặt không có tài sản đảm bảo với giá trị tại ngày 31/12/2024 là 40.500.000.000 VND. Theo đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan trên báo cáo tài chính riêng của Công ty hay không.

Chúng tôi chưa nhận được báo cáo tài chính và báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn (Công ty liên kết của Công ty) với giá trị gốc khoản đầu tư này là 24.150.000.000 VND. Các thủ tục thay thế không thực hiện được. Theo đó, chúng tôi không đánh giá được giá trị thuần và giá trị dự phòng tổn thất khoản đầu tư (nếu có) cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty con - Công ty Cổ phần Gia Long – Hòa Bình (“Gia Long”) thì kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến về Báo cáo này do tính chất lan tỏa của các yếu tố từ chối do các vấn đề “Không đánh giá được giá trị thuần khoản Đầu tư Công ty liên kết với giá trị 23,8 tỷ VND, không đánh giá được khả năng thu hồi khoản phải thu về cho vay dài hạn với giá trị 14,6 tỷ VND; không thu thập được hồ sơ khoản tạm ứng với giá trị 32 tỷ đồng VND, và không đánh giá được giả định hoạt động liên tục”. Tuy nhiên, trong năm Ban Tổng Giám đốc Công ty đã hoàn nhập dự phòng khoản đầu tư vào Gia Long với giá trị là 914 triệu VND. Chúng tôi không thu thập được bằng chứng thích hợp liên quan đến đánh giá của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến việc hoàn nhập dự phòng này, giá trị thuần của khoản đầu tư, trích lập dự phòng bổ sung do các yếu tố từ chối cũng như ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác liên quan đến Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2024, Lỗ lũy kế của Công ty là 136.442.802.965 VND, tương ứng 55% vốn chủ sở hữu, Nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị 1.222.326.332 VND, Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Các yếu tố này, cùng với các vấn đề được Công ty trình bày tại Thuyết minh số 2.4, cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về giả định hoạt động liên tục của Công ty được lập phù hợp hay chưa.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Hà Nội, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

CHI NHÁNH HÀ NỘI - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY



ĐẶNG MINH ĐỨC - Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4885-2025-112-1

A blue ink signature, likely belonging to Lai Trường Dương, the auditor.

LAI TRƯỜNG DƯƠNG - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3392-2021-112-1

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31/12/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		17.474.699.762	19.143.440.333
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	102.459.083	494.386.456
Tiền	111		102.459.083	494.386.456
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.201.987.305	18.455.643.109
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	15.814.755.771	3.360.882.771
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	492.679.428	492.679.428
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.207.434.876	17.914.963.680
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.312.882.770)	(3.312.882.770)
Tài sản ngắn hạn khác	150		170.253.374	193.410.768
Thuế GTGT được khấu trừ	152		170.253.374	193.410.768
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119.049.243.010	104.134.570.019
Các khoản phải thu dài hạn	210		40.500.000.000	26.500.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	40.500.000.000	26.500.000.000
Tài sản cố định hữu hình	221	10	-	-
- Nguyên giá	222		7.798.830.541	7.798.830.541
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.798.830.541)	(7.798.830.541)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	78.549.243.010	77.634.570.019
Đầu tư vào công ty con	251		171.000.000.000	171.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		24.150.000.000	24.150.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(116.600.756.990)	(117.515.429.981)
TỔNG TÀI SẢN	270		136.523.942.772	123.278.010.352

Mẫu số B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		18.697.026.094	7.080.220.289
Nợ ngắn hạn	310		18.697.026.094	7.080.220.289
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	13.207.000.000	1.622.368.195
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	431.545.116	431.545.116
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	32.174.000	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	12	2.230.000.000	2.230.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.796.306.978	2.796.306.978
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		117.826.916.678	116.197.790.063
Vốn chủ sở hữu	410	15	117.826.916.678	116.197.790.063
Vốn góp của chủ sở hữu	411		246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		246.330.000.000	246.330.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(1.910.000)	(1.910.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.145.322.665	5.145.322.665
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		2.796.306.978	2.796.306.978
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(136.442.802.965)	(138.071.929.580)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(138.071.929.580)	(141.367.312.890)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.629.126.615	3.295.383.310
TỔNG NGUỒN VỐN	440		136.523.942.772	123.278.010.352

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng

Mẫu số B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	13.036.016.667	26.157.176.478
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.036.016.667	26.157.176.478
Giá vốn hàng bán	11	17	12.588.000.000	25.849.702.449
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		448.016.667	307.474.029
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.234.532.661	1.642.533.927
Chi phí tài chính	22	19	(909.748.480)	(2.408.924.797)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	963.171.193	1.063.549.443
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.629.126.615	3.295.383.310
Thu nhập khác	31		-	-
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác	40		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.629.126.615	3.295.383.310
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.629.126.615	3.295.383.310

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa



Nguyễn Đức Thắng

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng

Mẫu số B03a-DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		1.629.126.615	3.295.383.310
Điều chỉnh cho các khoản				
Các khoản dự phòng	03		(914.672.991)	(2.414.556.309)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(1.234.532.661)	(1.642.533.927)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(520.079.037)	(761.706.926)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.431.945.902)	(3.478.307.204)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		11.616.805.805	1.580.701.528
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.664.780.866	(2.659.312.602)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(40.500.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.500.000.000	500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.943.291.761	33.927
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.056.708.239)	500.033.927
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		-	2.230.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	2.230.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(391.927.373)	70.721.325
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	494.386.456	423.665.131
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	102.459.083	494.386.456

Lào Cai, Ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT







Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai, (sau đây được gọi là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1202000192 ngày 18/09/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp. Công ty có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi gần nhất số 5300208618, sửa đổi lần thứ 18 ngày 05/6/2020.

Địa chỉ của Công ty tại: Số 28B, Đường Phan Đình Giót, Phường Lào Cai, TP. Lào Cai, Tỉnh Lào Cai.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty: Khai thác quặng kim loại quý hiếm và kinh doanh thương mại.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

- Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Chi tiết: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong vòng 12 tháng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 12 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 12 người).

1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Danh sách các Công ty con; Công ty liên doanh, liên kết:

	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con			
- Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình	95%	95%	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết			
- Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	35 %	35 %	Hoạt động dịch vụ trồng trọt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng chuẩn mực kế toán số 28 - Báo cáo bộ phận chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

2.4 GIẢ THIẾT VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại thời điểm 31/12/2024, Lỗ lũy kế của Công ty là 136.442.802.965 VND, tương ứng 55% vốn chủ sở hữu, Nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị 1.222.326.332 VND, Khoản vay và nợ thuê tài chính với giá trị 2.230.000.000 VND đã quá hạn thanh toán. Vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của công ty trong tương lai.

Trong năm hoạt động kinh doanh chính của công ty ở mức cầm chừng, lợi nhuận gộp thấp chưa đủ bù đắp các chi phí quản lý doanh nghiệp. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty vẫn đang tìm kiếm các hoạt động kinh doanh mới hiệu quả hơn và tái cơ cấu các khoản đầu tư tài chính. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty vẫn được lập trên giả định hoạt động liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Một khoản đầu tư được coi là nắm được quyền kiểm soát của đơn vị được đầu tư khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị đó trừ khi quyền sở hữu đó không gắn liền quyền kiểm soát. Nếu Công ty không nắm giữ trên 50% quyền sở hữu của đơn vị khác thì Công ty vẫn có thể có được quyền kiểm soát đơn vị nếu Công ty có:

- (i) Quyền lớn hơn 50% quyền biểu quyết của đơn vị nhờ có một thoả thuận với các nhà đầu tư khác;
- (ii) Quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị theo một qui chế hay một thoả thuận;
- (iii) Quyền bổ nhiệm, bãi miễn đa số thành viên Hội đồng Quản trị (hoặc một bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị; hoặc
- (iv) Quyền bỏ phiếu quyết định trong các cuộc họp Hội đồng Quản trị (hoặc bộ phận quản lý tương đương) của đơn vị.

Thời điểm ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư vào Công ty con được mua trong năm là ngày mà Công ty đạt được quyền kiểm soát thực tế đối với đơn vị được đầu tư. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào Công ty con được trình bày theo giá gốc (giá mua và các chi phí mua trực tiếp liên quan) trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư. Việc lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ vào giá trị khoản lỗ lũy kế trên Báo cáo tài chính của Công ty con và có thể được hoàn nhập khi có lãi. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 45
- Máy móc, thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

3.8 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.9 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu và được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận (nếu có).

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.11 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.13 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch với bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	98.506.932	492.223.584
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.952.151	2.162.872
Cộng	102.459.083	494.386.456

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty con	171.000.000.000	(116.580.022.244)	171.000.000.000	(117.494.695.235)
Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình	171.000.000.000	(116.580.022.244)	171.000.000.000	(117.494.695.235)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	24.150.000.000	(20.734.746)	24.150.000.000	(20.734.746)
+ Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	24.150.000.000	(20.734.746)	24.150.000.000	(20.734.746)
Cộng	195.150.000.000	(116.600.756.990)	195.150.000.000	(117.515.429.981)

(*) Theo qui định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư đối với Công ty niêm yết tại thời điểm 31/12/2024. Đối với các Công ty chưa thực hiện niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào Công ty con				
- Công ty Cổ phần Gia Long Hòa Bình	Xóm Tân Lập, Xã Tân Vinh, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình	95%	95%	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết				
- Hợp tác xã Môi trường xanh Vân Sơn	Thôn Phe, xã Vân Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	35%	35%	Hoạt động dịch vụ trồng trọt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	15.814.755.771	3.312.882.771	3.360.882.771	3.312.882.771
- Công ty Cổ phần Gia Long - Hoà Bình	3.312.882.771	3.312.882.771	3.312.882.771	3.312.882.771
- Công ty CP KT và TMDV NN An Phát	2.472.333.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	9.981.540.000	-	-	-
- Khách hàng khác	48.000.000	-	48.000.000	-
Cộng	15.814.755.771	3.312.882.771	3.360.882.771	3.312.882.771

Phải thu khách hàng với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh 24.1

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	492.679.428	-	492.679.428	-
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt tại	404.700.000	-	404.700.000	-
- Hà Nội	87.979.428	-	87.979.428	-
- Khách hàng khác	-	-	-	-
Cộng	492.679.428	-	492.679.428	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Dài hạn	40.500.000.000	-	26.500.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hoàng Hào	-	-	9.000.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Tuyền	-	-	5.500.000.000	-
- Bà Phạm Thị Hương	-	-	7.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Phong	-	-	5.000.000.000	-
- Ông Nguyễn Tiến Thịnh (*)	5.000.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Tiến Đạt (*)	5.000.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Thọ Tiên (*)	6.000.000.000	-	-	-
- Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương (*)	8.000.000.000	-	-	-
- Bà Hồ Thị Bích Ly (*)	5.500.000.000	-	-	-
- Bà Trịnh Thị Ngọc Châu (*)	6.000.000.000	-	-	-
- Bà Trương Thị Thúy Hà (*)	5.000.000.000	-	-	-
Cộng	40.500.000.000	-	26.500.000.000	-

(*) Phải thu về cho vay các cá nhân với lãi suất 3%/ năm, thời hạn cho vay 24 tháng, không có tài sản đảm bảo, cho vay bằng tiền mặt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	4.207.434.876	-	17.914.963.680	-
- Tạm ứng	3.500.000.000	-	8.500.000.000	-
- Phải thu về lãi cho vay	633.863.011	-	9.342.611.111	-
- Phải thu khác	73.571.865	-	72.352.569	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	4.207.434.876	-	17.914.963.680	-

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	4.225.532.029	2.518.692.880	963.104.633	91.501.000	7.798.830.542
31/12/2024	4.225.532.029	2.518.692.880	963.104.633	91.501.000	7.798.830.542
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(4.225.532.029)	(2.518.692.880)	(963.104.633)	(91.501.000)	(7.798.830.542)
31/12/2024	(4.225.532.029)	(2.518.692.880)	(963.104.633)	(91.501.000)	(7.798.830.542)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	-	-	-	-	-
31/12/2024	-	-	-	-	-

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 7.798.830.542 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	13.207.000.000	13.207.000.000	1.622.368.195	1.622.368.195
- Hợp tác xã Tơ Tầm Sơn Lương	12.100.000.000	12.100.000.000	664.592.366	664.592.366
- Hợp tác xã Môi trường xanh Chấn Thịnh	988.000.000	988.000.000	849.775.829	849.775.829
- Khác hàng khác	119.000.000	119.000.000	108.000.000	108.000.000
Cộng	13.207.000.000	13.207.000.000	1.622.368.195	1.622.368.195

12. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	Trong năm				01/01/2024	
	31/12/2024		Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	VND	VND
	VND	VND				
Vay ngắn hạn	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000
Việt Nam (*)						
Cộng	2.230.000.000	2.230.000.000	-	-	2.230.000.000	2.230.000.000

(*) Hợp đồng vay tiền số 01/HĐV/LCM-BVVN ngày 13/12/2023 giữa Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Nam và Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai. Số tiền vay là 2.230.000.000 đồng, lãi suất 0%, thời hạn vay 6 tháng, mục đích vay để kinh doanh, không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	431.545.116	431.545.116
- Chi phí kiểm toán	404.700.000	404.700.000
- Các khoản phải trả khác	26.845.116	26.845.116
Cộng	431.545.116	431.545.116

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Ngắn hạn	32.174.000	-
- Bảo hiểm xã hội	32.174.000	-
Cộng	32.174.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	246.330.000.000		(1.910.000)	5.145.322.665		2.796.306.978	(141.367.312.890)		112.902.406.753
- Lãi năm trước	-		-	-		-	3.295.383.310		3.295.383.310
31/12/2023	246.330.000.000		(1.910.000)	5.145.322.665		2.796.306.978	(138.071.929.580)		116.197.790.063
01/01/2024	246.330.000.000		(1.910.000)	5.145.322.665		2.796.306.978	(138.071.929.580)		116.197.790.063
- Lãi trong năm	-		-	-		-	1.629.126.615		1.629.126.615
31/12/2024	246.330.000.000		(1.910.000)	5.145.322.665		2.796.306.978	(136.442.802.965)		117.826.916.678

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

15.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	246.330.000.000	246.330.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	246.330.000.000	246.330.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

15.3 CỔ PHIẾU

	31/12/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	246.330.000	246.330.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	246.330.000	246.330.000
+ Cổ phiếu phổ thông	246.330.000	246.330.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	191	191
+ Cổ phiếu phổ thông	191	191
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.632.809	24.632.809
+ Cổ phiếu phổ thông	24.632.809	24.632.809
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

15.4 CÁC QUỸ

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.145.322.665	5.145.322.665
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.796.306.978	2.796.306.978

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu	13.036.016.667	26.157.176.478
- Doanh thu bán hàng	1.118.000.000	-
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.918.016.667	26.157.176.478
Cộng	13.036.016.667	26.157.176.478

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	988.000.000	-
- Giá vốn hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	11.600.000.000	25.849.702.449
Cộng	12.588.000.000	25.849.702.449

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.234.532.661	1.642.533.927
Cộng	1.234.532.661	1.642.533.927

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Hoàn nhập Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(914.672.991)	(2.414.556.309)
- Chi phí tài chính khác	4.924.511	5.631.512
Cộng	(909.748.480)	(2.408.924.797)

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	963.171.193	1.063.549.443
- Chi phí nhân viên quản lý	756.240.000	719.002.000
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	164.050.256	325.238.356
- Chi phí bằng tiền khác	39.880.937	16.309.087
Cộng	963.171.193	1.063.549.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. CHI PHÍ THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
- Chi phí nhân công	756.240.000	719.002.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.764.050.256	26.174.940.805
- Chi phí bằng tiền khác	42.880.937	19.309.087
Cộng	12.563.171.193	26.913.251.892

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.629.126.615	3.295.383.310
Các khoản thu nhập không chịu thuế TNDN	(1.629.126.615)	(3.295.383.310)
- Chuyển lỗ các năm trước	(1.629.126.615)	(3.295.383.310)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	-	-
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

23. THÔNG TIN KHÁC

23.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Công ty có giao dịch với bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan		Mối quan hệ	
Công ty Cổ phần Gia Long Hoà Bình		Công ty con	
Số dư với các bên liên quan			
Bên liên quan	Nội dung	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty Cổ phần Gia Long Hoà Bình	Phải thu khách hàng	3.312.882.771	3.312.882.771

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu nhập của các thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Đức Thắng	96.000.000	96.000.000
Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị		
Ông Hoàng Quốc Tùng	60.000.000	60.000.000
Cộng	156.000.000	156.000.000

23.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai đã được kiểm toán.

Lào Cai, ngày 28 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Thị Hoa

Nguyễn Đức Thắng



